

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : LUẬT

Sinh viên : PHẠM MINH ĐẠO

HẢI PHÒNG – 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN
TRỞ LÊN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT
TẠI CÔNG TY TNHH VẠN HƯƠNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: LUẬT

Sinh viên: PHẠM MINH ĐẠO

Giảng viên hướng dẫn: Ths. LÊ THU TRANG

HẢI PHÒNG – 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Minh Đạo
Mã SV: 1717905518
Lớp : PLH2101
Ngành : Luật
Tên đề tài: Pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên và thực tiễn thực hiện pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nắm bắt được những vấn đề pháp lý cơ bản trong Luật doanh nghiệp hiện hành Việt Nam.
- Tìm hiểu thực trạng hoạt động và tình hình thực hiện pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương.
- Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn dẫn đến đóng góp ý kiến, nêu lên một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về Công ty TNHH Hai thành viên trở lên.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/06/2017.
- Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021, Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020.
- Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021, Quy định về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định hợp nhất số: 20/VBHN-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2020 quy định về lệ phí môn bài.
- Nghị định số 17/CP Về việc quản lý các ngành nghề kinh doanh đặc biệt.
- Nghị định Số: 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Nghị định Số: 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Thông tư Số: 132/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Ths. Lê Thu Trang
Học hàm, học vị : Thạc sĩ
Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 05 tháng 12 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 03 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

NỘI DUNG KHÓA LUẬN

Contents

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài;	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài;	2
3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu;	3
4. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn;	4
5. Các phương pháp nghiên cứu để thực hiện khóa luận;	5
6. Bố cục của khóa luận;	5
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN	7
1.1. Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	7
1.1.1. Khái niệm chung về công ty.....	7
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH).....	9
1.1.3. Khái niệm và đặc điểm Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hai thành viên trở lên.....	11
1.2. Quy chế vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	15
1.2.1. Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn.	15
1.2.2. Huy động vốn.	19
1.2.3. Tăng, giảm vốn điều lệ.....	22
1.2.4. Chuyển nhượng và mua lại vốn góp.	24
1.3. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	26
1.3.1. Phân loại thành viên công ty.	26
1.3.2. Hình thành, chấm dứt tư cách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn.	27
1.4. Tổ chức quản lý và sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	29
1.4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	29
1.4.2. Sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.....	35
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN TẠI CÔNG TY TNHH VẠN HƯƠNG	37
2.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương.	37
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vạn Hương.....	37
2.1.2. Thông tin chung về công ty TNHH Vạn Hương.	38
2.1.3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi – Định hướng phát triển.....	40
2.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty.	41
2.3. Tình hình tài chính, kinh doanh của công ty.	43

2.3.1. Tình hình kinh doanh của công ty.....	43
2.3.2. Tình hình tài chính của công ty.....	45
2.3.3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của công ty.....	48
2.4. Thực trạng việc áp dụng quy định pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương.....	50
2.4.1. Kết quả đạt được trong việc áp dụng quy định pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương.....	50
2.4.2. Những khó khăn của Công ty TNHH Vạn Hương trong việc thực hiện quy định pháp luật về mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên.	52
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẠN HƯƠNG.	58
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật.....	58
3.1.1. Các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.....	58
3.1.2. Một số bất cập, hạn chế trong quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. ..	60
3.1.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.....	64
3.2. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương.	66
3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.	66
3.2.2. Nâng cao vai trò của Điều lệ và Quy chế trong công ty.	68
3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, áp dụng pháp luật.....	68
3.2.4. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ cho các bộ phận.	69
3.2.5. Giải pháp cung ứng vốn bền vững cho doanh nghiệp.	69
3.2.6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.	73
KẾT LUẬN.....	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài;

Trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, hội nhập thương mại quốc tế, toàn cầu hoá kinh tế đã trở thành xu thế chung, cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các công ty thương mại đã được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ bằng pháp luật. Xu hướng này mở ra nhiều thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp. Nhiều hình thức pháp lý của doanh nghiệp, như Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh, đã hình thành và được khuyến khích hoạt động, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Từ đó, hàng loạt doanh nghiệp được thành lập với đa dạng mô hình quản lý, mỗi loại đều có ưu và khuyết điểm riêng. Tuy nhiên, quyết định lựa chọn loại hình doanh nghiệp để điều hành và phát triển bền vững trước khi bắt đầu công việc kinh doanh là một vấn đề quan trọng, đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về các loại hình doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn đang là một trong những loại hình doanh nghiệp được ưu tiên lựa chọn nhất với nhiều ưu điểm về vốn đầu tư đa dạng, hình thức tổ chức linh hoạt cùng hoạt động phổ biến trên thị trường. Một trong số đó là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mô hình này rất thích hợp cho các công ty, doanh nghiệp hay các công ty con và các cá nhân tự xây dựng với cơ cấu tổ chức của mình. Đây đang là một loại hình doanh nghiệp được khá nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm bởi tính chất gọn nhẹ về cơ cấu tổ chức và quản lý, các thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi vốn góp của mình, quy định chặt chẽ trong việc chuyển nhượng vốn sở hữu. Loại hình doanh nghiệp này ra đời đã đáp ứng lại sự kỳ vọng của các nhà kinh doanh cũng như các nhà nghiên cứu luật pháp.

Qua lý do trên, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty hiện nay, tạo cơ sở để đưa ra những quy định để vận dụng vào nền kinh tế thị trường một cách dễ dàng là một nhu cầu cấp thiết. Do đó, em lựa chọn đề tài "***Pháp luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và Thực tiễn thực hiện pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương***" làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài;

Hiện nay đã có khá nhiều nghiên cứu thuộc đề tài Pháp luật về Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ở nhiều góc độ khác nhau như:

1. Ngô Hồng Quang (2012), "*Cơ chế 'xuyên qua màn che công ty' trong pháp luật một số nước và ở Việt Nam*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp - Số 13 năm 2012.
2. Nguyễn Thị Thu Thảo (2013), "*Địa vị pháp lý của Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Luật doanh nghiệp 2005 và thực trạng tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tấn Phát Đạt*", Luận văn Thạc sĩ – Đại học kinh tế Quốc Dân.
3. TS. Nguyễn Vinh Hưng (2016) - Đại học Quốc gia Hà Nội, "*Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong môi trường kinh doanh hiện nay*", Nghiên cứu Lập pháp số 16 (320), tháng 8 năm 2016.
4. Tạ Kiến Tường (2018), "*Trách nhiệm của người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên theo Luật doanh nghiệp năm 2014*", Luận văn Thạc sĩ – Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
5. Nguyễn Văn Tuấn (2022), "*Một số vấn đề pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và đề xuất một số giải pháp khắc phục*", Tạp chí công thương, số 4, tháng 3 năm 2022.

6. Nguyễn Ngọc Hải (2021), “*Hoàn thiện các quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành về giải thể doanh nghiệp*”, Kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ – Tạp chí công thương, số 19, tháng 8 năm 2021.
7. Hoàng Thị Phương Dung (2020), “*Góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Pháp luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ Luật kinh tế - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
8. Nguyễn Vinh Hưng (2016), “*Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong môi trường kinh doanh hiện nay*”, Luận án tiến sĩ – Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. ThS. Nguyễn Thị Yên (2021), “*Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp Việt Nam*”, Kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ - Tạp chí công thương, số 29+30, tháng 12 năm 2020.
10. ThS. Trần Linh Huân (2021), “*Những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2020 về Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*”, Mục trao đổi – Ý kiến, Tạp chí Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/nhung-diem-moi-cua-luat-doanh-nghiep-2020-ve-cong-ty-trach-nhiem-huu-han-hai-thanh-vien-tro-len1630247318.html>.

Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã xây dựng tính hệ thống lý thuyết và tương đối đầy đủ, tuy nhiên cho đến thời điểm này, Luật doanh nghiệp đã được sửa đổi và bổ sung năm 2022 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng, ngoài ra các công trình nghiên cứu chỉ dựa trên một số tổ chức riêng biệt, nên trong một khía cạnh nhất định tại thực tiễn hoạt động trong một doanh nghiệp cụ thể, qua đó giúp tác giả có thể kế thừa những luận cứ khoa học góp phần hoàn thiện luận án này.

3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu;

- *Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về công ty TNHH hai thành viên trở lên, trong đó trọng tâm là nghiên cứu các quy định của Luật doanh nghiệp (2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ

đó đưa ra các vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động của Công ty TNHH hai thành viên trở lên, theo dõi và áp dụng tại Công ty TNHH Vạn Hương.

➤ *Phạm vi nghiên cứu:*

- ✓ Về không gian: Tại cơ sở kinh doanh của Công ty TNHH Vạn Hương trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- ✓ Về thời gian: Nghiên cứu dữ liệu hoạt động kinh doanh của Cơ sở kinh doanh trong 03 năm (2020 – 2022).

4. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn;

➤ *Mục tiêu nghiên cứu:* Khóa luận này tập trung nghiên cứu mô hình hoạt động Công ty TNHH Hai thành viên và thực tiễn việc áp dụng tại Công ty TNHH Vạn Hương. Luận án tìm hiểu thực trạng hoạt động của doanh nghiệp, từ đó xác định một số giải pháp phát triển toàn diện và bền vững phương hướng hoạt động doanh nghiệp theo Pháp luật doanh nghiệp hiện hành.

➤ *Nhiệm vụ nghiên cứu:*

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động của Công ty TNHH Hai thành viên trở lên.
- Phân tích thực trạng thực thi pháp luật trong hoạt động của Công ty TNHH Vạn Hương.
- Xác định hệ thống các tiêu chí trong mô hình hoạt động Công ty TNHH Hai thành viên và vận dụng vào thực tiễn.
- Đánh giá phản ứng của doanh nghiệp đối với các chính sách hiện hành hỗ trợ từ Pháp luật.
- Trên cơ sở các pháp hiện từ kết quả nghiên cứu, đề xuất hệ thống quan điểm, chính sách và giải pháp góp phần hoàn thiện mô hình hoạt động doanh nghiệp theo hướng tuân thủ Pháp luật.

5. Các phương pháp nghiên cứu để thực hiện khóa luận;

Để hoàn thành khóa luận, tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu từ những tài liệu pháp luật hiện hành và các văn bản dưới luật liên quan đến doanh nghiệp, ngoài ra tác giả còn đan xen sử dụng kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để đảm bảo tính logic và chính xác cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn của luận án.

Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu được thu thập từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp cùng một số hướng dẫn thực thi pháp luật, ngoài ra là các công trình nghiên cứu trong nước cùng chủ đề nghiên cứu về Công ty TNHH hai thành viên trở lên để tiếp cận các vấn đề pháp lý phù hợp với các tiêu chí của nghiên cứu. Sau đó chọn lọc, lấy một số hàm ý tiếp tục theo hướng phát triển, phân tích và xây dựng hoàn thiện chuyên đề nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện qua việc phân tích và tổng hợp tài liệu kết hợp với thảo luận cùng lãnh đạo công ty, nhằm phân tích khám phá, đề xuất mô hình nghiên cứu, hiệu chỉnh và phát triển về mô hình hoạt động doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm kiểm định mô hình lý thuyết, mối quan hệ giữa thực tại và các giả thuyết nghiên cứu.

Phương pháp duy vận biện chứng, dùng xem xét giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ở Việt Nam hiện hay một cách toàn diện và thực tiễn ở Việt Nam.

Phương pháp phân tích tổng hợp, sử dụng phân chia các vấn đề lớn, phức tạp thành những vấn đề nhỏ chi tiết, cụ thể hơn. Sau khi phân tích thì tổng hợp lại và khái quát để đưa tới sự nhận thức tổng thể về pháp luật công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên ở Việt Nam hiện hay và giải pháp hoàn thiện.

6. Bố cục của khóa luận;

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 03 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương.

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và một số giải pháp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1.1. Khái quát chung về Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1.1.1. Khái niệm chung về công ty.

Công ty cũng như bất kỳ một hiện tượng kinh tế ra đời, tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử và xã hội nhất định. Các công ty trên danh nghĩa là những pháp nhân độc lập cùng với những thành viên xuất hiện với số lượng lớn từ năm 1870. Phát hiện những mầm mống công ty hiện đại có thể thấy ở Luật La Mã, các công ty thương mại và ngân hàng trong thế kỷ XIV, các công ty Anh thế kỷ XVII. Các công ty thương mại đầu tiên chính thức xuất hiện vào thế kỷ thứ XIII ở một số thành phố của các nước Châu Âu, nơi có điều kiện địa lý thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán. Trong khoảng 100 trở lại đây, số lượng công ty nhiều loại hình đã dần phát triển rất nhanh, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế nói riêng và đời sống xã hội nói chung.

Công ty ra đời xuất phát từ những nhu cầu tất yếu khách quan của đời sống xã hội, khi việc sản xuất hàng hoá ngày một phát triển, cạnh tranh thị trường ngày một khốc liệt, từ đó xuất hiện các nhu cầu mở mang kinh doanh. Từ nhu cầu đó, dần xuất hiện những nhu cầu vốn kinh doanh, và để đáp ứng điều này khiến những nhà kinh doanh hình thành liên kết lại với nhau tạo ra các công ty đôi nhân và đôi vốn. Như vậy, một mô hình tổ chức kinh doanh mới ra đời, đó gọi là các công ty.

Công ty (tiếng Anh là “the company”) được hiểu trên nhiều nghĩa, nhiều khía cạnh khác nhau. Ở góc độ kinh tế, công ty có thể được hiểu là các tổ chức chuyên hoạt động kinh doanh thương nghiệp dịch vụ, nhằm phân biệt với các nhà máy, xí nghiệp là những đơn vị kinh tế chuyên hoạt động sản xuất. Một số khái niệm trong nghiên cứu khoa học pháp lý của một số Quốc gia cho thấy:

Theo Pháp: “Công ty là một hợp đồng thông qua đó hai hay nhiều người thỏa thuận với nhau sử dụng tài sản hay khả năng của mình vào một hoạt động chung nhằm chia lợi nhuận thu được qua hoạt động đó’.

Theo luật của Bang Georgia – Mỹ: “Công ty là một pháp nhân được tạo ra bởi luật định nhằm một mục đích chung nào đó nhưng có thời hạn về thời gian tồn tại, về quyền hạn, về nghĩa vụ và các hoạt động được ấn định trong điều lệ”.

Theo luật của Bang Louisiana – Mỹ: “Công ty là một thực thể được tạo ra bởi luật định bao gồm một hoặc nhiều cá thể dưới một tên chung. Những thành viên có thể kế nghiệp lẫn nhau, vì thế công ty là một khối thống nhất. Tuy nhiên sự thay đổi của những các thể trong công ty cho một mục đích cụ thể nào đó được xem xét như một con người cụ thể”.

Năm 1990, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật Công ty nhằm điều chỉnh các hoạt động kinh doanh trong nước, theo đó định nghĩa về Công ty cổ phần, công ty TNHH: “Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần gọi chung là công ty, là doanh nghiệp trong đó các thành viên cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào công ty”.

Trong Luật doanh nghiệp năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nhà làm luật không đưa ra một định nghĩa chung về công ty mà đưa ra các khái niệm cụ thể về các loại hình công ty. Theo đó, Công ty bao gồm công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh. Trong đó công ty TNHH bao gồm công ty TNHH một thành viên và công ty TNHH hai thành viên trở lên. Theo Luật Doanh nghiệp (1999) thì khái niệm công ty đã phát triển phân tách rõ ràng các loại hình hoạt động, như vậy công ty có thể là doanh nghiệp do một người làm chủ sở hữu, tức pháp luật Việt Nam thừa nhận sự tồn tại của công ty TNHH một thành viên, là tổ chức có thể độc lập thành lập công ty, có tư cách pháp nhân. Đến khi Luật doanh nghiệp (2005) ra đời đã quy định cụ thể rõ ràng hơn, bổ sung thêm loại hình công ty TNHH một thành viên

là cá nhân. Đây là sự thay đổi phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta cũng như xu thế phát triển doanh nghiệp trên nhiều nước thế giới.

Tổng hợp lại thì khái niệm công ty có thể tổng quát là: “Công ty là sự liên kết của hai hay nhiều người (cá nhân hay pháp nhân) bằng một sự kiện pháp lý trong đó các bên thoả thuận với nhau sử dụng tài sản hay khả năng của họ nhằm tiến hành các hoạt động để đạt mục tiêu chung”.

Theo các định nghĩa và khía cạnh pháp lý thì công ty có 03 đặc điểm cơ bản:

- ✓ Sự liên kết của hai hay nhiều cá nhân hoặc tổ chức, công ty có thể do một hoặc hai chủ thể trở lên góp vốn thành lập. Công ty có thể là sự liên kết giữa hai hay nhiều thể nhân với nhau, hoặc giữa thể nhân với pháp nhân, hoặc cũng có thể giữa các pháp nhân với nhau;
- ✓ Sự liên kết được thực hiện thông qua một sự kiện pháp lý (hợp đồng, điều lệ, quy chế). Các thành viên phải góp vốn, có tính chất như tài sản, có thể là tiền mặt, nhà đất hoặc công sức hay giá trị tinh thần (quyền sở hữu công ty, uy tín kinh doanh ...) vào công ty;
- ✓ Sự liên kết nhằm mục đích chung, các thành viên liên kết với nhau lại để thành lập công ty với mục đích kiếm lợi nhuận. Đây là dấu hiệu để phân biệt công ty với các tổ chức khác như hội từ thiện, các hội đoàn chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động nhằm mục đích phi kinh doanh;

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)

1.1.2.1. Khái niệm Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trên thế giới, có hai loại hình công ty phổ biến là công ty đối nhân và công ty đối vốn. Công ty TNHH là một loại hình công ty đối vốn, là loại hình doanh nghiệp chỉ quan tâm đến phần vốn góp thành lập từ các thành viên. Công ty TNHH xuất hiện đầu tiên ở Đức vào năm 1892, sau đó được công nhận và phát triển ở Pháp, Italia, Tây Ban Nha, các nước khác Châu Âu và Nam Mỹ. Từ đó đến nay, các công ty TNHH phát triển

rất nhanh chóng về mặt số lượng và trở thành một trong những loại hình công ty phổ biến nhất trên thế giới và ở nước ta.

Theo khoản 7 điều 4 Luật doanh nghiệp (2020), Công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm hai loại hình, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Những người góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức, người góp vốn sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty gọi là thành viên góp vốn.

1.1.2.2. Đặc điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn.

- *Có tư cách pháp nhân:* Công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân. Do đó công ty có tài sản độc lập, có con dấu riêng, trụ sở riêng và có thể tự nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập mà không bị lệ thuộc vào tư cách của chủ sở hữu.
- *Chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn:* Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Việc những thành viên góp vốn vào công ty chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp, tách bạch tài sản cá nhân đảm bảo sự an toàn nhất định cho những người tham gia kinh doanh.
- *Huy động vốn:* Công ty TNHH được huy động vốn thông qua hoạt động vay vốn, tín dụng từ các cá nhân, tổ chức. Công ty TNHH cũng có quyền phát hành trái phiếu. Cả công ty TNHH một thành viên lẫn công ty TNHH hai thành viên trở lên không được phép phát hành cổ phiếu. Công ty TNHH không được phép phát hành nhiều loại Chứng khoán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử phát hành như công ty cổ phần.
- *Thành viên góp vốn:* Thành viên góp vốn là người (cá nhân hoặc tổ chức) sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty. Đối với công ty TNHH một thành viên chỉ duy nhất có một thành viên góp vốn làm chủ hoàn toàn công ty. Nếu muốn thêm thành viên góp vốn, công ty TNHH một thành viên phải chuyển đổi thành

công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ ít nhất là hai thành viên và nhiều nhất là năm mươi thành viên góp vốn. Nếu muốn thêm thành viên vượt quá năm mươi, công ty TNHH hai thành viên trở lên phải chuyển đổi thành công ty cổ phần.

1.1.3. Khái niệm và đặc điểm Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hai thành viên trở lên.

1.1.3.1. Khái niệm Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Theo Điều 46 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân. Số lượng thành viên từ hai thành viên trở lên và không vượt quá năm mươi. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.1.3.2. Đặc điểm Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

- ***Về thành viên góp vốn, chủ sở hữu:*** Công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thành lập với tối thiểu 2 thành viên và tối đa là 50 thành viên; thành viên trong công ty có thể là tổ chức, cũng có thể là cá nhân sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty. Thành viên của công ty bao gồm/và là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài. Đây là dấu hiệu phân biệt loại hình công ty này với các loại hình doanh nghiệp khác. Loại hình công ty mang tính chất “gia đình”, giữa các thành viên thường có sự quan hệ gần gũi với nhau, vì thế công ty TNHH này gần với bản chất của loại hình công ty đối nhân. Sự liên kết giữa các thành viên trong công ty thông qua cơ chế góp vốn cho phép công ty đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu kinh doanh ở quy mô lớn hoặc vừa phải; nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, sự hùn hạp là phương thức phân tán rủi ro hiệu quả cho các nhà đầu tư trong sản xuất, kinh doanh.

- **Về trách nhiệm pháp lý:** Khi công ty TNHH 2 thành viên trở lên bị Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản mà tài sản của công ty còn lại không đủ để thanh toán cho các chủ nợ thì thành viên của công ty không phải mất thêm tài sản của mình ngoài số vốn đã góp vào công ty để thanh toán cho chủ nợ. Điều này thể hiện cụ thể tại khoản 4 điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020 như sau: “ Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp theo khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.
- **Về tư cách pháp lý:** Công ty TNHH hai thành viên trở lên là một pháp nhân, vì thế cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện về thành lập, cơ cấu tổ chức, sự độc lập về tài sản, trách nhiệm và tham gia các quan hệ pháp luật độc lập với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn. Công ty TNHH hai thành viên trở lên là tổ chức có tên riêng, có tài sản và trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Công ty TNHH hai thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày thành lập, được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tài sản của công ty được tách bạch với tài sản của các thành viên công ty. Pháp luật đặt ra chế định pháp nhân vì cần thiết phải có sự tách biệt giữa công ty tồn tại độc lập, liên tục mà không phụ thuộc vào việc người thành lập ra nó bị chết, mất tích, hạn chế. mất năng lực hành vi dân sự hay bị tuyên bố phá sản.
- **Về trách nhiệm tài sản:** Công ty chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ tài chính và các khoản nợ của công ty bằng tài sản của công ty (TNHH). Các thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty trừ trường hợp thành viên chưa góp vốn hoặc góp không đủ số vốn đã cam

kết. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên. Có thể thấy rằng, công ty TNHH hai thành viên trở lên có sự tách bạch tài sản giữa tài sản công ty và tài sản của các thành viên công ty. Nguyên tắc phân tách tài sản được áp dụng trong mọi quan hệ tài sản, nợ nần và trách nhiệm pháp lý của công ty trong quá trình hoạt động (vốn cam kết hoặc số vốn đã góp vào công ty).

- **Về vốn góp thành lập:** Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty. Như vậy số vốn đề ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là số vốn mà các thành viên cam kết góp, tức số vốn không nhất thiết phải có thực tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, mà số vốn cam kết góp đó sẽ được các thành viên góp trong thời hạn theo quy định pháp luật. Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp. Theo đó những loại tài sản mà các thành viên được phép góp vốn vào công ty là những tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản có thể là: vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản. Các thành viên có thể góp vốn cho công ty bằng tài sản khác với tài sản đã cam kết góp trước đó nếu được sự tán thành của đa số thành viên. Sau thời hạn 90 ngày theo quy định mà thành viên chưa góp vốn theo cam kết sẽ đương nhiên không còn là thành viên của công ty. Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp như đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp. Phần vốn chưa góp của các thành viên được

chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên. Trong trường hợp này, công ty phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên. Như vậy, trong thời hạn 90 ngày để góp đủ số vốn cam kết góp thì các thành viên phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết góp về các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong khoảng thời gian đó mà không phải căn cứ vào phần vốn đã góp thực tế của thành viên.

- **Về khả năng huy động vốn:** Công ty TNHH hai thành viên trở lên không được quyền phát hành cổ phần. Việc phát hành cổ phần là một trong những hành vi nhằm tạo lập vốn ban đầu cũng như trong quá trình hoạt động của công ty. Công ty TNHH không được phát hành cổ phần cho thấy sự gia nhập của người ngoài vào công ty bị hạn chế hơn so với công ty cổ phần. Vốn điều lệ của công ty không phân chia. Vốn điều lệ của công ty TNHH hai thành viên là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty. Dù không được phát hành cổ phần và bán cổ phiếu để huy động vốn, nhưng công ty TNHH có thể phát hành trái phiếu để huy động vốn trong hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật theo điều lệ công ty. Về mặt này, công ty TNHH hai thành viên trở lên có lợi thế hơn so với doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh là không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.
- **Về chuyển nhượng vốn:** Thành viên công ty được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên trong công ty phải tuân thủ theo các điều kiện nhất định. Vì vậy, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên bị hạn chế hơn so với việc chuyển nhượng vốn của thành viên công ty cổ phần.

1.2. Quy chế vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1.2.1. Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn.

1.2.1.1. Quy định về tài sản góp vốn.

Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định về tài sản góp vốn có nội dung như sau: “1. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam”. Theo khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về góp vốn như sau: “18. Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập”. Như vậy, tài sản góp vốn dùng để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tài sản là Đồng Việt Nam hoặc tài sản có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

Tuy nhiên, Các nhà đầu tư có thể góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng các loại tài sản khác nhau. Khi góp vốn bằng tài sản không phải là tiền mặt, nhà đầu tư cần thực hiện thủ tục định giá tài sản và chuyển quyền sở hữu tài sản để tạo thành vốn vào doanh nghiệp. Điều 36 quy định: “Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.”

1.2.1.2. Định giá tài sản góp vốn.

Về nguyên tắc, những gì được gọi là tài sản theo quy định tại Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đều có thể đem góp vốn. Tuy vậy, trên thực tế, những tài sản đem góp vốn phải là những tài sản có thể xác định được giá trị và có thể giao dịch được trên thị trường. Việc góp vốn thành lập công ty được tiến hành trên cơ sở tự nguyện. Do đó,

việc định giá tài sản cũng được thực hiện theo nguyên tắc các thành viên tự quyết định. Các thành viên có quyền định giá tài sản góp vốn theo nguyên tắc nhất trí, cần phải thấy ý nghĩa của việc định giá tài sản góp vốn là nhằm xác định giá trị của tài sản. Như vậy, việc định giá tài sản phải được thực hiện theo nguyên tắc đúng với giá trị của nó tại thời điểm kết thúc định giá.

Như đã nói ở trên, việc góp vốn được thực hiện tại hai thời điểm: khi thành lập doanh nghiệp và sau khi thành lập doanh nghiệp. Cụ thể việc định giá tài sản góp vốn tùy từng thời điểm được quy định như sau:

Thứ nhất. Khi thành lập doanh nghiệp.

Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do có ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

Thứ hai. Sau khi thành lập doanh nghiệp.

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ sở hữu, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên

đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

1.2.1.3. Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn khi thành lập công ty.

Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn từ tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức sang sở hữu của công ty là một nghĩa vụ của thành viên. Đây là điểm khác biệt giữa công ty và doanh nghiệp tư nhân. Đối với tài sản được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp. Việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn thể hiện sự minh bạch tài sản giữa tài sản của công ty và tài sản của thành viên công ty.

Việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định đối với từng loại tài sản, gồm tài sản có đăng ký quyền sở hữu, tài sản không đăng ký quyền sở hữu và tài sản khác. Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty TNHH hai thành viên trở lên thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn đối với từng thành viên sang sở hữu công ty. Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Biên bản giao nhận phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc đăng ký của người góp vốn; loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản góp vốn đó trong vốn điều lệ của công ty; ngày giao nhận; chữ ký của người góp vốn hoặc đại diện theo uỷ quyền của người góp vốn và người đại diện theo pháp luật của công ty. Phần vốn góp bằng tài sản không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do

chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty. Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn của công ty TNHH không phải chịu lệ phí trước bạ.

Căn cứ Điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định cụ thể sau đây:

- Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ.
- Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.
- Cổ phần hoặc phần vốn góp bằng tài sản không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.
- Thanh toán mọi hoạt động mua, bán, chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp và nhận cổ tức của nhà đầu tư nước ngoài đều phải được thực hiện thông qua tài khoản vốn của nhà đầu tư đó mở tại ngân hàng ở Việt Nam, trừ trường hợp thanh toán bằng tài sản.

1.2.1.4. Quy định về thời hạn góp vốn và chuyển giao quyền sở hữu.

Được quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020: Thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp: “Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo quy định pháp luật thì thành viên công ty phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài

sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Các tài sản góp vốn phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định cũng phải thực hiện đầy đủ các thủ tục sang tên và chuyển giao trong thời hạn này.

1.2.2. Huy động vốn.

Huy động vốn của công ty TNHH là một biện pháp để đảm bảo cho công ty hoạt động hiệu quả các mục tiêu và kế hoạch đề ra. Công ty TNHH thực hiện việc huy động vốn từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Việc huy động vốn của công ty TNHH chịu sự tác động của nhiều yếu tố như hình thức pháp lý của công ty, sự vững mạnh của tình hình tài chính nói chung, khả năng thanh toán của công ty nói riêng hoặc chiến lược kinh doanh của công ty. Quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn của công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể huy động vốn bằng 02 phương thức là tăng vốn điều lệ và phát hành trái phiếu.

a. Huy động vốn từ chủ sở hữu.

Vốn ban đầu là một trong những điều kiện để đảm bảo sự ra đời của công ty. Tùy thuộc vào hình thức sở hữu sẽ quyết định tính chất và hình thức tạo vốn của công ty. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, việc góp vốn từ các thành viên đảm bảo tính liên kết trong quá trình thành lập và hoạt động của công ty. Góp vốn thành lập công ty vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của thành viên công ty. Việc góp vốn tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng đối với loại tài sản và mức độ góp vốn vào công ty. Thành viên công ty có nghĩa vụ phải góp phần vốn góp cho công ty đúng và đầy đủ loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, thành viên được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp tương ứng với giá trị phần

vốn đã góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu huỷ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty.

Việc thành viên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ việc góp vốn đúng như cam kết sẽ ảnh hưởng không chỉ tới thành viên mà còn ảnh hưởng đến công ty. Sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà vẫn có thành viên chưa góp hoặc góp chưa đủ số vốn đã cam kết thì xử lý như sau:

- Thành viên chưa góp vốn theo cam kết được nhiên không còn là thành viên của công ty;
- Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp như cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;
- Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.

Tuy nhiên, để đảm bảo việc thực hiện quyền góp vốn của thành viên, pháp luật cho phép thành viên có thể được thay đổi tài sản vốn góp như đã cam kết nhưng phải được sự đồng ý của đa số thành viên còn lại. Công ty phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.

b. Phát hành trái phiếu.

Công ty TNHH không được phép phát hành cổ phiếu. Tuy nhiên để đảm bảo việc nâng cao sự hoạt động cũng như mở rộng thị trường của mình, công ty TNHH

được phép phát hành trái phiếu để huy động vốn. Trái phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành. Phát hành trái phiếu là một hình thức cung ứng vốn từ công chúng. Công ty phát hành lượng vốn dưới hình thức trái phiếu thường là loại có kỳ hạn và được thực hiện theo hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng. Việc phát hành trái phiếu có những ưu điểm và hạn chế nhất định, phát hành trái phiếu của công ty giúp cho công ty có thể huy động vốn nhanh và cần thiết. Tuy nhiên, hoạt động phát hành trái phiếu của công ty có thể dẫn đến sự kiểm soát của nhà đầu tư không được chặt chẽ như trong trường hợp vay ngân hàng hoạt từ các doanh nghiệp khác. Vì vậy, việc phát hành trái phiếu đòi hỏi công ty phải nắm chắc kỹ thuật tài chính để tránh áp lực, đặc biệt là các áp lực về khoản nợ đến hạn những vẫn có lợi nhuận, đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế bị suy thoái.

Hoạt động phát hành trái phiếu của công ty TNHH phải đáp ứng các điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật như:

- Công ty phải có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ mười tỷ đồng Việt Nam trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền kề trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán, không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn hiệu quả.

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những hạn chế nhất định, cụ thể như:

- *Ưu điểm:* Chi phí huy động vốn thấp; Không mất quá nhiều thủ tục phức tạp, rườm rà; Ít bị sự chi phối từ cổ đông góp vốn, được hưởng lợi từ chính sách thuế đối với khoản lãi trái phiếu.
- *Nhược điểm:* Độ đảm bảo thấp, chủ yếu là dựa vào uy tín trên thị trường của doanh nghiệp.

1.2.3. Tăng, giảm vốn điều lệ.

Trong quá trình hoạt động Công ty TNHH hai thành viên có thể thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ để phù hợp với nhu cầu hoạt động. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.

a. Quy định về vốn điều lệ trong Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Vốn điều lệ trong công ty TNHH hai thành viên trở lên là tổng giá trị tài sản mà các thành viên công ty cam kết góp khi thành lập công ty. Trong quá trình hoạt động, công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, cụ thể quy định trong Luật doanh nghiệp 2020 như sau:

Khoản 34 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: *“Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.”*

Điều 47 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: *“1. Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.*

Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.”

b. Tăng vốn điều lệ trong Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Khoản 1 Điều 68 Luật doanh nghiệp 2020 quy định, Công ty TNHH hai thành viên trở lên tăng vốn điều lệ trong các trường hợp sau:

- Trường hợp tăng vốn do các thành viên công ty góp thêm: Công ty TNHH hai thành viên trở lên tăng vốn bằng việc các thành viên công ty góp thêm vốn. Phần vốn góp thêm sẽ được chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Trong trường hợp thành viên công ty không muốn góp thêm vốn thì có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp có thành viên không góp hoặc chỉ góp một phần phần vốn góp thêm thì số vốn còn lại của phần vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.

- Trường hợp tăng vốn do tiếp nhận thêm vốn góp của các thành viên mới: Trường hợp này công ty tiếp nhận thêm thành viên mới và số vốn góp của thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ của công ty. Thành viên mới được tiếp nhận phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 17 Luật doanh nghiệp về người được tham gia thành lập, quản lý, mua lại cổ phần, phần vốn góp và được sự đồng ý của các thành viên trong công ty. Việc có thành viên mới góp thêm vốn sẽ dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty và thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên trong công ty.

c. Giảm vốn điều lệ trong Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp quy định về các trường hợp giảm vốn trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên như sau:

- Trường hợp giảm vốn do hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên: Công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể giảm vốn bằng việc hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên công ty theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên chỉ được giảm vốn trong trường hợp này khi đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

- Trường hợp giảm vốn điều lệ khi Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên

Theo quy định tại Điều 51 của Luật doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mua lại phần vốn góp của thành viên công ty khi:

“1. Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;

b) Tổ chức lại công ty;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này.”

- Trường hợp giảm vốn điều lệ do vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn

Theo quy định tại Điều 47 của Luật doanh nghiệp: *“2. Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.”*

1.2.4. Chuyển nhượng và mua lại vốn góp.

a. Chuyển nhượng vốn trong công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Chuyển nhượng vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên là hành vi của thành viên công ty tiến hành chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp của mình trong công ty cho thành viên khác hoặc cá

nhân, tổ chức khác không phải thành viên. Theo đó, các quyền và các nghĩa vụ này sẽ được trị giá bằng tiền hoặc các giá trị vật chất khác theo thỏa thuận của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Thành viên trong công ty TNHH hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác.

Chuyển nhượng phần vốn góp phải tuân thủ theo các quy định tại điều 53 Luật doanh nghiệp 2020 và các quy định khác của pháp luật. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua như các thông tin cá nhân, phần vốn và giá trị phần vốn chuyển nhượng, chữ ký của người mua (cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật nếu là tổ chức) được ghi đầy đủ vào sổ thành viên của công ty.

Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên nếu việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên dẫn đến hậu quả công ty chỉ còn có một thành viên thì phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty TNHH một thành viên đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

b. Mua lại phần góp vốn của Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì thành viên trong công ty TNHH hai thành viên không được rút vốn dưới mọi hình thức. Tuy nhiên trong một số trường hợp thành viên vẫn có thể rút vốn nếu phù hợp với quy định như thành viên có thể yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp trong công ty TNHH của mình.

Thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Hội đồng thành viên liên quan đến hoạt động của công ty. Việc mua lại phần vốn góp của thành viên có thể làm thay đổi vốn điều lệ công ty và được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của thành viên. Yêu cầu đó phải được thể hiện bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công ty thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên về các nội dung:

- i. Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, hội đồng thành viên.*
- ii. Tổ chức lại công ty.*
- iii. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.*

Giá trị phần vốn góp của các thành viên được công ty mua lại được xác định trên cơ sở thoả thuận giữa thành viên và công ty. Trong trường hợp không đạt được thoả thuận thì căn cứ theo giá trị thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thành toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

1.3. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1.3.1. Phân loại thành viên công ty.

Thành viên là những người chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu công ty. Thành viên công ty là một trong những cốt lõi hình thành lên công ty cũng như quá trình hoạt động của công ty. Thành viên công ty có thể là cá nhân hoặc pháp nhân đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thành viên công ty được xem xét trên một số phương diện cơ bản sau đây:

- ✓ Tư cách pháp lý của thành viên công ty được hình thành bằng nhiều con đường khác nhau, có thể thông qua việc góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thừa kế, tặng cho ... Thành viên công ty sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty.
- ✓ Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thường là các cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty. Thành viên của công ty bao gồm/và là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài, số lượng thành viên của công ty tối thiểu là 02 và không vượt quá 50 thành viên.

- ✓ Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty phải lập sổ đăng ký thành viên. Thành viên công ty có các quyền theo quy định và được cụ thể hoá tại Điều lệ công ty.
- ✓ Về phương diện tổ chức, quản lý. Trong công ty TNHH hai thành viên trở lên thì thành viên công ty được tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Quyền lực của thành viên trong Hội đồng thành viên được thể hiện thông qua lá phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật doanh nghiệp (2020).
- ✓ Về phương diện kinh tế thì thành viên được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Thành viên công ty được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản.

1.3.2. Hình thành, chấm dứt tư cách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn.

a. Sự hình thành tư cách thành viên công ty TNHH hai thành viên.

Thông thường, tư cách thành viên công ty được hình thành bằng các con đường sau:

- *Góp vốn vào công ty*: Một người sẽ có tư cách thành viên công ty khi đã góp vốn vào thành lập công ty. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên khi một người góp vốn vào công ty khi thành lập hoặc trong quá trình công ty hoạt động đều có thể trở thành thành viên công ty.

- *Nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên*: Trong quá trình hoạt động của công ty thành viên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp cho thành viên khác hoặc chuyển nhượng cho người không phải là thành viên công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua các hợp đồng chuyển nhượng trên cơ sở thỏa thuận về giá chuyển nhượng.

- *Hưởng di sản thừa kế*: Hưởng di sản thừa kế là phần vốn góp trở thành thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- *Tặng cho tài sản là phần vốn góp*: Thành viên, chủ sở hữu công ty có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác. Người được tặng cho tài sản là phần vốn góp của thành viên thì sẽ trở thành thành viên của công ty tùy thuộc vào mối quan hệ huyết thống (trực hệ ba đời) hoặc sự chấp thuận của Hội đồng thành viên công ty.

- *Trả nợ từ tài sản vốn góp của thành viên công ty*: Người nhận trả nợ từ tài sản vốn góp của thành viên có thể trở thành thành viên nếu họ muốn trở thành thành viên và được Hội đồng thành viên công ty đồng ý.

b. Chấm dứt tư cách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Sự chấm dứt tư cách thành viên công ty là việc chấm dứt sự tồn tại cũng như quyền và nghĩa vụ của thành viên trong công ty TNHH. Điều đó có nghĩa là họ không có quyền tham gia hoạt động tổ chức quản lý và được hưởng quyền lợi từ công ty nữa. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên gồm:

- Thành viên có thể tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên của mình trong công ty
- Thành viên công ty chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác
- Thành viên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích
- Thành viên tặng cho phần vốn góp của mình cho người khác hoặc dùng tài sản vốn góp để trả nợ cho người khác
- Thành viên là tổ chức bị giải thể, phá sản.

Ngoài ra, tư cách thành viên của công ty còn bị chấm dứt nếu như trong Điều lệ công ty có quy định như khai trừ thành viên, thu hồi tư cách thành viên khi vi phạm pháp luật hoặc hành động trái với điều lệ Công ty làm phương hại đến lợi ích của công ty và các thành viên khác.

1.4. Tổ chức quản lý và sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1.4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát; trường hợp có ít hơn 11 thành viên, có thể thành lập Ban kiểm soát phù hợp với yêu cầu quản trị công ty. Quyền, nghĩa vụ, tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng thành viên gồm tất cả các thành viên công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Điều lệ công ty quy định định kỳ họp Hội đồng thành viên, nhưng ít nhất mỗi năm phải họp một lần.

Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

1.4.1.1. Hội đồng thành viên.

Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Cơ quan này bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức. Các quyền và nghĩa vụ hội đồng thành viên được quy định rõ tại Khoản 2, Điều 55, Luật doanh nghiệp 2020.

Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức

huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;

c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;

d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

e) Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l) Quyết định tổ chức lại công ty;

m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

1.4.1.2. Chủ tịch hội đồng thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên do Hội đồng thành viên bầu được quy định tại Điều 57 và Điều 56 Luật doanh nghiệp 2020. Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
- c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
- d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên do Điều lệ công ty quy định nhưng không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ

tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

1.4.1.3. Giám đốc hoặc tổng giám đốc.

Giám đốc, Tổng Giám đốc công ty là thành phần quan trọng trong cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty TNHH hai thành viên. Đó là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trước Hội đồng thành viên công ty. Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 54 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “*Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc*”.

Khoản 1 Điều 63 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “*Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.*”

Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Tổng giám đốc Công ty TNHH được quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật doanh nghiệp 2020 như sau:

“2. *Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:*

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;*
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;*
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;*

- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;*
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;*
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;*
- h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;*
- i) Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;*
- k) Tuyển dụng lao động;*
- l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, hợp đồng lao động.”*

1.4.1.4. Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát là bộ phận rất quan trọng trong công ty, có trách nhiệm giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty. Căn cứ pháp lý theo Luật doanh nghiệp 2020 và Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, quy định về Ban kiểm soát trong Công ty TNHH hai thành viên như sau:

Theo quy định tại Điều 54 Luật doanh nghiệp thì công ty TNHH hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước thì phải có Ban kiểm soát còn các trường hợp còn lại sẽ do doanh nghiệp quyết định. Trường hợp công ty có Ban kiểm soát thì Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp như sau:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Hội đồng thành viên thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng thành viên.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Hội đồng thành viên.
- Khi có yêu cầu của thành viên công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến thành viên công ty có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng thành viên, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị Hội đồng thành viên biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng thành viên, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác của công ty.
- Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng thành viên.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Hội đồng thành viên.

1.4.2. Sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1.4.2.1. Xác lập quyền sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ nguồn vốn góp.

Vốn là điều kiện cần để doanh nghiệp tiến hành khởi sự các hoạt động kinh doanh. Và đây cũng là nguồn gốc của mọi quyền lợi cũng như nghĩa vụ của các thành viên trong này. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.

Như vậy, Góp vốn thành lập công ty TNHH hai thành viên là việc thành viên trong công ty thực hiện việc đầu tư kinh doanh thông qua việc thành lập công ty TNHH hai thành viên. Phần vốn góp là vốn điều lệ của công ty và được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

Tài sản dùng để góp vốn thành lập công ty TNHH hai thành viên không chỉ là đồng Việt Nam mà còn có thể là ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, hoặc các tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam. Điều 34 Luật doanh nghiệp 2020 quy định về tài sản góp vốn trong doanh nghiệp. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với

tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

1.4.2.2. Xác lập quyền sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ nguồn vốn vay.

Công ty chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ tài chính và các khoản nợ của công ty bằng tài sản của công ty (TNHH). Các thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty trừ trường hợp thành viên chưa góp vốn hoặc góp không đủ số vốn đã cam kết. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.

Qua đó, Công ty TNHH có sự tách bạch tài sản giữa tài sản công ty và tài sản của các thành viên công ty. Nguyên tắc phân tách tài sản được áp dụng trong mọi quan hệ tài sản, nợ nần và trách nhiệm pháp lý của công ty trong quá trình hoạt động (vốn cam kết hoặc số vốn đã góp vào công ty). Một số lưu ý về sở hữu tài sản của công ty TNHH hai thành viên trở lên như sau:

- + Chế độ trách nhiệm tài sản của công ty: Công ty TNHH có từ hai thành viên trở lên chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của công ty.
- + Chế độ trách nhiệm tài sản của thành viên: Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn cam kết góp vào công ty.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN TẠI CÔNG TY TNHH VẠN HƯƠNG

2.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Vạn Hương.

Kinh tế đất nước ngày một phát triển về mọi mặt, đời sống của con người mỗi lúc được cải thiện hơn cả về vật chất lẫn tinh thần vì vậy nhu cầu hưởng thụ ngày một đa dạng và đòi hỏi mỗi lúc càng nhiều. Vì để đáp ứng nhu cầu đó, các đơn vị kinh doanh dịch vụ lần lượt ra đời, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế của đất nước. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay thì ngành dịch vụ ăn uống ngày càng hình thành phát triển và đột phá nhanh chóng lấp đầy mọi phân khúc với nhiều mô hình hấp dẫn và đa dạng.

Đồ Sơn là một hòn đảo thuộc tỉnh Hải Phòng, nằm cách thành phố khoảng 20km về hướng Đông Nam và cách thủ đô Hà Nội 120km. Đây là nơi nghỉ dưỡng lý thú được nhiều người lựa chọn bởi khung cảnh thơ mộng, yên bình với biển xanh và cát trắng. Là một địa danh nổi tiếng với đường bờ biển đẹp, nên du lịch tại Đồ Sơn phát triển vượt bậc với các khu resort, khu du lịch, nhà hàng,... Nhờ đó mà quận biển này thu hút được rất nhiều khách du lịch. Chính vì thế, với thế mạnh tiềm năng của du lịch, Công ty TNHH Vạn Hương đã chủ động đầu tư một số nhà hàng và khách sạn phục vụ dịch vụ ăn uống và lưu trú trên địa bàn, thương hiệu mang tầm ảnh hưởng nhất phải kể đến Nhà hàng Trí Hường tại Khu ẩm thực Khu I, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Vạn Hương được hình thành từ cơ sở kinh doanh nhà hàng Trí Hường từ những năm 1988, sau khi tách biệt thành 2 cơ sở kinh doanh ẩm thực là nhà hàng Vạn Hương và nhà hàng Trí Hường Công ty TNHH Vạn Hương được đăng ký thành lập doanh nghiệp lần đầu vào năm 2007, là đơn vị chuyên kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, ẩm thực và dịch vụ lưu trú. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập lần đầu

vào năm 2007 là 2.000 triệu đồng, sau nhiều năm hoạt động, hiện tại vốn chủ điều lệ của công ty là 6.000 triệu đồng. Công ty là một trong các đơn vị kinh doanh nhà hàng ăn, hội trường cưới hỏi, sinh nhật, hội nghị ... tại địa bàn du lịch quận Đồ Sơn, Hải Phòng. Hiện nay công ty có 1 trụ sở và 1 chi nhánh trên địa bàn quận Đồ Sơn. Sở hữu 2 nhà hàng Vạn Hương và nhà hàng Trí Hường tại những địa thế đắc địa, công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định và đa dạng phân khúc.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên, đứng đầu là chủ tịch HĐQT. Bà Hoàng Thị Hương là Giám đốc điều hành Công ty. Bà Đinh Thị Hường là Phó giám đốc, phụ trách chi nhánh. Công ty có 16 lao động thường xuyên, có thể thuê thêm lao động thời vụ khi vào mùa du lịch.

Người đại diện theo pháp luật Công ty là Bà Hoàng Thị Hương, chức vụ chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty. Bà Hương là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi nhân sự, có tư cách đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng. Trước khi thành lập công ty, bà Hương từng làm kinh doanh cá thể tại địa bàn, có nhiều năm kinh nghiệm kinh doanh du lịch. Thành viên góp vốn là bà Đinh Thị Hường, chức vụ Phó giám đốc trong công ty, bà Hường trước đây từng công tác tại sở du lịch quận Đồ Sơn, là người có nhiều kiến thức chuyên sâu về ngành du lịch dịch vụ nói chung.

Các thành viên công ty: Công ty TNHH Vạn Hương được thành lập gồm vốn góp của 2 thành viên đến thời điểm hiện tại như sau:

- ❖ Bà Hoàng Thị Hương chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty: Số vốn góp 3.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ)
- ❖ Bà Đinh Thị Hường chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty: Số vốn góp 3.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ)

2.1.2. Thông tin chung về công ty TNHH Vạn Hương.

- Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH VẠN HƯƠNG
- Tên tiếng anh : VAN HUONG COMPANY LIMITED

- Tên giao dịch: VANHUONG CO.LTD
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200734537 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 13/04/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 03 năm 2020.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu I phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mạng lưới chi nhánh:
 - + Địa điểm kinh doanh số 01: Nhà hàng Trí Hoàng, địa chỉ tại Khu ẩm thực, Khu I, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.
 - + Địa điểm kinh doanh số 02: Nhà nghỉ Giang Bình, địa chỉ tại Khu I (khu xóm sóng), phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.
 - + Địa điểm kinh doanh số 03: Nhà nghỉ Thanh Lịch, địa chỉ tại Khu I, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225. 3861244.
- Fax: 0225.3861334.
- Email: Trihuongvanhuong@gmail.com
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng
- Người đại diện pháp luật: **Bà Hoàng Thị Hương** Chức vụ: Giám đốc
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
 - + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. (*trừ quầy bar*)
 - + Dịch vụ phục vụ đồ uống. (*Chi tiết: Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát*)
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. (*Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày*)
- Tổng số lao động (*thường xuyên*): 25 người, trong đó nhân sự phục vụ dịch vụ ăn uống là 16 người, phục vụ lưu trú là 6 người, hành chính kế toán và đầu tư là 3 người.

– Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

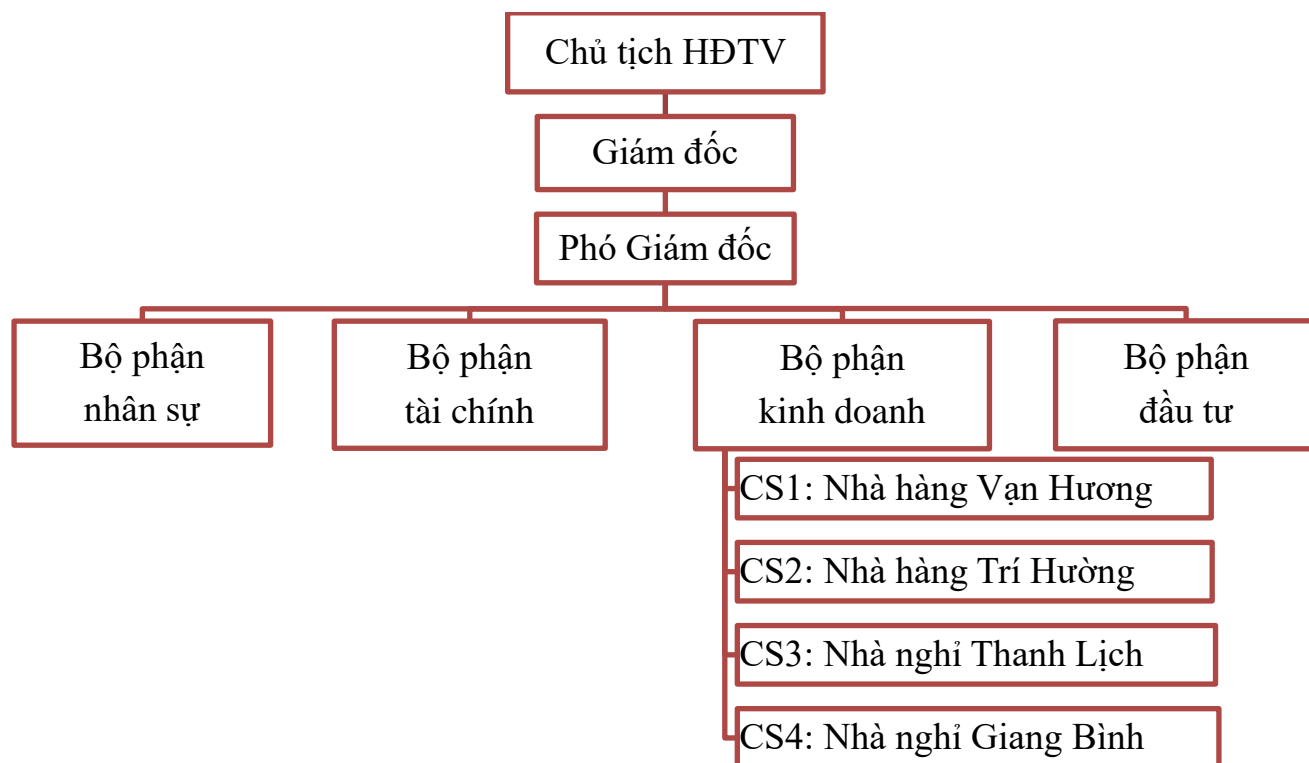
Nhân xét: Công ty đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật. Người đại diện theo pháp luật có đầy đủ năng lực điều hành hoạt động kinh doanh, mô hình tổ chức của công ty chặt chẽ, rõ ràng, phù hợp với quy mô kinh doanh.

2.1.3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi – Định hướng phát triển.

- *Tầm nhìn:* Định hướng phát triển thành chuỗi cung ứng dịch vụ về ăn uống và lưu trú hàng đầu khu vực, không ngừng đổi mới, sáng tạo hệ sinh thái các sản phẩm dịch vụ đẳng cấp với tiêu chí “Chất lượng – Phù hợp”, góp phần nâng cao chất lượng thực phẩm, chất lượng cuộc sống của người dân và nâng tầm vị thế của các sản phẩm, dịch vụ ngành ẩm thực.
- *Sứ mệnh:* Phát triển tinh hoa về ẩm thực Việt Nam. Nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú. Định nghĩa lại du lịch và đa dạng loại hình du lịch. Từ đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương, thông qua việc đóng góp cho ngân sách, tạo nhiều cơ hội việc làm, xây dựng môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng đời sống người lao động và hỗ trợ các hoạt động cộng đồng.
- *Giá trị cốt lõi:* “Chất lượng – Phù hợp”. Chất lượng là yếu tố quan trọng nhất mang đến cho khách hàng, với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực ẩm thực, công ty mang đến những sản phẩm có chất lượng và thẩm mỹ cao. Phù hợp đề cao tính phổ cập nhằm đáp ứng khẩu vị của từng phân khúc khách hàng, giúp khách hàng tận hưởng dịch vụ tốt nhất. Trong mọi hoạt động, kết quả cuối cùng đều phải đạt chuẩn như cam kết về chất lượng sản phẩm hay dịch vụ cung cấp.
- *Định hướng phát triển:* Trong tình hình hiện nay, cạnh tranh về giá phải kết hợp với cạnh tranh về chất lượng dịch vụ thì mới đạt hiệu quả cao. Muốn vậy, phải nâng cao chất lượng dịch vụ hơn nữa, không phải chỉ hơn với chất lượng của các đối thủ cạnh tranh mà còn phải tốt hơn chất lượng của bản thân từ trước đây. Do đó, công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu và không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ của mình. Theo đó, trong thời gian tới, công ty tiếp tục mở

rộng dịch vụ kinh doanh ăn uống, đồng thời nâng cấp hệ thống trang thiết bị và hệ thống kho chứa hàng nhằm phục vụ tối đa cho các yêu cầu từ khách hàng. Đa dạng hoá sản phẩm ăn uống, tạo sự đồng bộ giữa các chi nhánh kinh doanh.

2.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty.



Cũng như quy định của pháp luật đối với số lượng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên tối thiểu là 2 và tối đa là 50 người, thì ở đây, Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Vạn Hương có 2 cá nhân chính như sau:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	HOÀNG THỊ HƯƠNG	Tổ 1, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	3.000.000.000	50 %

2	ĐÌNH THỊ HUỜNG	Số 23B/182 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	3.000.000.000	50 %
---	----------------	--	---------------	------

Trước hết, đây là công ty TNHH có hai thành viên. Vì số lượng chưa đạt 11 thành viên cho nên Công ty TNHH Vạn Hương không bắt buộc phải thành lập “Ban kiểm soát”.

Như những doanh nghiệp TNHH hai thành viên trở lên khác đang hoạt động, Công ty TNHH Vạn Hương được tư vấn thành lập là mô hình TNHH hai thành viên trở lên từ cơ sở các thành viên góp vốn quen biết, tin tưởng và có mong muốn hợp tác với nhau. Mọi quan hệ giữa các thành viên góp vốn đều là người trong gia đình, nên có một sự tín nhiệm ổn định. Hội đồng thành viên có những quyền và nghĩa vụ nhất định đối với việc điều hành hoạt động công ty. Đương nhiên, quyết định của Hội đồng thành viên là quyết định có quyền lực cao nhất.

Về cơ cấu tổ chức, Công ty TNHH Vạn Hương phân bổ ra các phòng ban chuyên môn có những trách nhiệm như sau:

Giám đốc Công ty phụ trách chung, chịu trách nhiệm điều hành công ty và là người đại diện của công ty pháp luật Nhà nước.

Giúp việc cho Giám đốc có Phó giám đốc phụ trách kinh doanh, chịu trách nhiệm điều hành công ty khi Giám đốc vắng mặt.

Công ty không chia nhỏ thành các phòng ban cụ thể nhưng có phân công người phụ trách từng mảng nghiệp vụ khác nhau, cụ thể:

Bộ phận nhân sự: Bố trí nhân lực phù hợp, chịu trách nhiệm tuyển dụng các vị trí theo yêu cầu công việc, đào tạo và phát triển nhân viên đáp ứng tiêu chí thị trường, đánh giá hiệu quả của nhóm nhân viên tại các cơ sở kinh doanh.

Bộ phận tài chính: Quản lý tài chính của công ty, phân bổ các nguồn lực cần thiết cho tất cả các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm chấm công, chi trả lương cho người lao động và quản lý sổ sách kinh doanh của công ty.

Bộ phận đầu tư: Nắm bắt thị trường tài chính và bất động sản, tham mưu cho ban lãnh đạo trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh. Phụ trách quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư được phân công.

Bộ phận kinh doanh: Trực tiếp tham gia vào quá trình bán hàng của doanh nghiệp, trong bộ phận phụ trách kinh doanh chính được phân bổ thành 04 cơ sở kinh doanh độc lập và chịu quản lý và giám sát của ban lãnh đạo công ty.

Do bản chất vẫn mang mô hình quản lý gia đình, nên công ty xây dựng bộ máy hoạt động gọn nhẹ, phù hợp với quy mô và năng lực quản lý của mình. Để mở rộng quy mô hoạt động cũng như xây dựng bộ máy quản lý khoa học, công ty đang trong quá trình cơ cấu lại và xây dựng hoàn chỉnh bộ khung vận hành với các bộ phận nhỏ quản lý theo nhiệm vụ rõ ràng.

2.3. Tình hình tài chính, kinh doanh của công ty.

2.3.1. Tình hình kinh doanh của công ty.

Đơn vị: Triệu đồng

Hoạt động kinh doanh	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	2022/2021	
				Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	28.558	14.982	19.027	13.576	91%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	261	151	(261)	-100%
Giá vốn hàng bán	24.178	13.078	17.029	11.100	85%
Lợi nhuận gộp	4.380	1.643	1.847	2.737	167%
Doanh thu hoạt động tài chính	8	3	6	5	167%
Chi phí tài chính	326	180	90	146	81%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	0%
Chi chí quản lý	623	483	583	140	29%

Lợi nhuận thuần	3.439	983	1.180	2.456	250%
Thuế TNDN	688	197	236	491	250%
Lợi nhuận sau thuế	2.751	786	944	1.965	250%

Nhận xét/Đánh giá:

- *Xu hướng của doanh thu, lợi nhuận qua các năm:*
 - + Chu kỳ 2020 - 2021: Doanh thu trong các năm 2020 và 2021 thể hiện chiều hướng giảm, nguyên nhân do thị trường bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19, chính phủ áp dụng nhiều chính sách giãn cách xã hội, cụ thể doanh thu năm 2021 giảm 4.045 trđ, tương ứng 21% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận thuần năm 2021 đạt 786 trđ, giảm 158 trđ (17%) so với cùng kỳ năm trước. Việc doanh thu giảm đến từ ảnh hưởng mang tính vĩ mô, và tính chất liên quan của toàn nền kinh tế. Trong các năm qua doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình cung cấp thực phẩm tươi sống và bán hàng mang về nên hoạt động kinh doanh cơ bản giảm nhưng vẫn có lợi nhuận tuy chưa cao.
 - + Chu kỳ 2021 – 2022: Doanh thu năm 2022 bao gồm từ 2 mảng chính là dịch vụ ăn uống và lưu trú ngắn hạn, ghi nhận đạt 28.558 trđ, tăng 13.576 trđ (91%) so với năm 2021, lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 2.751 trđ, cao hơn đáng kể so với kết quả đạt được cùng kỳ năm 2021. Doanh thu tăng cao so với năm trước cho thấy hiệu quả từ việc kiểm soát dịch bệnh hoàn toàn tại Việt Nam, hơn hết khu du lịch Đồ Sơn trong mùa du lịch 2022 đã đón nhận lượng khách hàng tăng đột biến trong nhiều năm qua, chủ yếu là khách hàng nội địa. Một mặt khác, trong năm 2022 ngoài dịch vụ ăn uống, công ty còn liên tục khai thác nhu cầu lưu trú, đa dạng hoá sản phẩm kinh doanh, vì thế tình hình kinh doanh đã khởi sắc hơn 2 năm bị giãn cách bởi Covid 19.
- *Lợi nhuận tương ứng với doanh thu:* ROS năm 2022 đạt 13.16% và 7.88% với năm 2021, ở mức trung bình khá của ngành dịch vụ (8%), cho thấy hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2022 mặc dù có lợi nhuận nhưng do nguyên nhân đột

biến từ việc mở cửa trở lại các hoạt động dịch vụ và nhu cầu bùng nổ nhu cầu du lịch của người dân nên tăng cao năng suất hoạt động của công ty, tuy nhiên do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí, ngoài ra chi phí đầu vào tăng cũng là nguyên nhân khiến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp chưa được tối ưu.

2.3.2. Tình hình tài chính của công ty.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2021		31/12/2020		2022/2021	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ
A. Tài sản ngắn hạn	8.984	64%	4.611	44%	1.831	23%	4.373	95%
1. Tiền và tương đương tiền	3.591	25%	2.589	25%	628	8%	1.002	39%
Tiền	3.591	25%	2.589	25%	628	8%	1.002	39%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.467	25%	1.213	12%	320	4%	2.254	186%
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.467	17%	509	5%	320	4%	1.958	385%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.000	7%	400	4%	-	0%	600	150%
Phải thu ngắn hạn khác	-	0%	304	3%	-	0%	(304)	-100%
4. Hàng tồn kho	1.446	10%	580	6%	763	10%	866	149%
5. Tài sản ngắn hạn khác	480	3%	229	2%	120	2%	251	110%
Thuế GTGT được khấu trừ	191	1%	89	1%	120	2%	102	115%
Tài sản ngắn hạn khác	289	2%	140	1%	-	0%	149	106%
B. Tài sản dài hạn	5.148	36%	5.872	56%	6.092	77%	(724)	-12%
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
2. Tài sản cố định	5.148	36%	5.872	56%	6.092	77%	(724)	-12%
Nguyên giá	9.647	68%	9.647	92%	9.122	115%	-	0%
Hao mòn lũy kế	(4.499)	-32%	(3.775)	-36%	(3.030)	-38%	(724)	19%
3. Bất động sản đầu tư	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
4. Tài sản dở dang dài hạn	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%

6. Tài sản dài hạn khác	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
TỔNG TÀI SẢN	14.132	100%	10.483	100%	7.923	100%	3.649	35%
C. Nợ phải trả	5.560	39%	2.980	28%	713	9%	2.580	87%
1. Nợ ngắn hạn	2.920	21%	2.980	28%	713	9%	(60)	-2%
Phải trả người bán ngắn hạn	389	3%	-	0%	328	4%	389	100%
Thuế và các khoản phải nộp NN	31	0%	80	1%	59	1%	(49)	-61%
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.500	18%	2.900	28%	326	4%	(400)	-14%
2. Nợ dài hạn	2.640	19%	-	0%	-	0%	2.640	100%
Vay nợ thuê tài chính dài hạn	2.640	19%	-	0%	-	0%	2.640	100%
D. Vốn chủ sở hữu	8.572	61%	7.503	72%	7.210	91%	1.069	14%
1. Vốn chủ sở hữu	8.572	61%	7.503	72%	7.210	91%	1.069	14%
Vốn góp chủ sở hữu	6.000	42%	6.000	57%	6.000	76%	-	0%
Lợi nhuận chưa phân phối	2.572	18%	1.503	14%	1.210	15%	1.069	71%
2. Nguồn kinh phí quỹ khác	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%
TỔNG NGUỒN VỐN	14.132	100%	10.483	100%	7.923	100%	3.649	35%

- Quy mô tài sản và nguồn vốn của công ty:

- + Tại 31/12/2021: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 10.483 Trđ, tăng 2.560 Trđ (tương ứng 32.3%) so với 31/12/2020, trong đó tài sản tăng do tăng các khoản phải thu ngắn hạn 893 trđ, tài sản ngắn hạn khác tăng 109 trđ, tiền mặt doanh nghiệp giảm 1.961 trđ. Trong khi hàng tồn kho giảm 183 trđ. Tài sản cố định doanh nghiệp giảm 220 trđ do trích khấu hao. Tổng nguồn tăng do tăng nợ vay tài chính ngắn hạn ngắn hạn 2.574 trđ, vốn chủ sở hữu tăng 293 trđ do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong khi các khoản mục khác ít biến động bất thường, chủ yếu từ các khoản phải trả ngắn hạn.
- + Tại 31/12/2022: Tổng tài sản và nguồn vốn công ty tại thời điểm này là 14.131 trđ, tăng 3.648 trđ (34.8%) so với năm 2021. Tổng tài sản tăng do doanh nghiệp tăng tiền mặt lưu động 1.002 trđ, phải thu ngắn hạn tăng 2.254 trđ, hàng tồn kho tăng 866 trđ, tài sản ngắn hạn khác tăng 251 trđ, tài sản cố định giảm 725 trđ so với cùng kỳ.

Tổng nguồn vốn tăng chủ yếu do vay nợ tài chính, trong đó vay nợ tài chính dài hạn tăng 2.640 trđ, trong khi nợ tài chính ngắn hạn giảm 400 trđ. Vốn chủ sở hữu tăng 1.069 trđ do lợi nhuận chưa phân phối.

- *Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty:*

- + Tại 31/12/2021: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 44%/ tổng tài sản, trong đó tập trung chính là các khoản mục phải thu ngắn hạn và tồn kho hàng hoá, một phần nữa là tài sản ngắn hạn khác và tiền mặt. Tài sản dài hạn của doanh nghiệp là phương tiện vận tải và tài sản đầu tư cố định tại các cơ sở phục vụ kinh doanh, hạng mục này được trích khấu hao hàng năm theo quy định, tại 31/12/2021 tài sản dài hạn doanh nghiệp chiếm 56% tổng tài sản. Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 chiếm 71.6 % tổng nguồn vốn, tăng 4.1% so với năm 2020 và duy trì ở mức ổn định. Nợ phải trả chiếm 28.4% tổng nguồn vốn trong năm 2021, trong khi tỷ trọng các khoản mục khác không thay đổi đáng kể.
- + Tại 31/12/2022: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 63.6% tổng tài sản, trong đó vẫn chủ yếu là tài sản lưu động tiền mặt, hàng tồn kho và phải thu. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 36.4%. Nợ phải trả năm 2022 chiếm 39.3%, trong đó phải trả ngắn hạn là 20.7%, nợ dài hạn chiếm 18.7% tổng nguồn vốn, đều là vốn vay tài chính. Vốn chủ sở hữu chiếm 60.7%.

- *Nhận xét quy mô và cơ cấu tài sản cùng nguồn vốn doanh nghiệp:*

- + Việc tăng trong quy mô tài sản tại 31/12/2021 trong khi doanh thu giảm do một phần đến từ quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp, tăng hàng tồn kho và công nợ phải thu. Tuy vậy các khoản mục tài sản vẫn ở mức trung bình và có biến động hợp lý với quy mô, phù hợp với kinh doanh thương mại dịch vụ. Tại 31/12/2022, quy mô doanh nghiệp tăng trưởng 34.8% so với đầu kỳ, xác định do mở rộng hoạt động kinh doanh tại lĩnh vực lưu trú dẫn đến các khoản phải thu và vay nợ tài chính tăng, tuy nhiên các khoản mục này không có biến động bất thường đáng kể.

2.3.3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của công ty.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2021
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3.08	1.55
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2.42	1.28
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	1.23	0.87
Vốn lưu chuyển	Trđ	6.064	1.630
Nhóm cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2021
Hệ số tự tài trợ	Lần	0.61	0.72
Hệ số nợ	Lần	0.39	0.28
Hệ số đòn bẩy tài chính	Lần	1.65	1.40
Nợ dài hạn/VCSH	Lần	0.31	0.00
Hệ số TSCĐ	Lần	0.60	0.78
Hệ số thích ứng dài hạn	Lần	0.46	0.78
Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
Hệ số vòng quay TTS	Vòng	2.32	1.60
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	4.20	4.57
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	5.18	2.46
Chu kỳ HTK	Ngày	15.08	18.48
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	23.87	19.48
Thời gian thu hồi công nợ khách hàng	Ngày	18.76	10.14
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	12.20	19.20
Thời gian thanh toán công nợ	Ngày	2.90	4.51
Vòng quay tiền	Ngày	30.95	24.11
Chỉ tiêu khả năng sinh lời	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD (ROS)	%	13.16	7.88
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	22.36	8.54
Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)	%	34.25	10.69

Nhận xét:

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng so với năm 2021, đạt 3.08 ở mức tốt > 1 cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.
- Hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tức thời còn đều > 1, do đặc thù kinh doanh doanh nghiệp duy trì lượng tiền mặt lưu động lớn trong khi nợ phải trả chủ yếu đến

từ nợ vay tài chính, thời gian phải trả từ 3 – 6 tháng tương đối dài, vốn lưu động của công ty > 0 vì thế hoạt động kinh doanh luôn có lượng vốn tham gia tương đối ổn định.

Nhóm cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính

- Hệ số tự tài trợ của Công ty là 0.61 lần ở mức trung bình, tuy nhiên với quy mô hoạt động hiện tại, lượng vốn chủ sở hữu còn chưa cao, nên việc duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn phụ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn vay và chiếm dụng khách hàng.
- Các hệ số nợ, doanh thu và vòng quay vốn cho thấy Công ty sử dụng tốt đòn bẩy tài chính để gia tăng quy mô hoạt động. Tuy nhiên nếu quá tận dụng công cụ này mà không có kế hoạch bổ sung thêm vốn chủ sở hữu một cách hợp lý sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro dẫn đến mất khả năng cân đối tài chính, và phải phụ thuộc nhiều từ nguồn vốn vay.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

- Vòng quay vốn lưu động 4.2 vòng > 1 , phù hợp với tình hình chung của ngành dịch vụ nói chung (3-4 tháng/vòng).
- Vòng quay tổng tài sản 2.32 vòng, ở mức khá, cho thấy việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh khá hiệu quả.
- Chu kỳ hàng tồn kho (15 ngày), thời gian thu hồi công nợ (19 ngày) đều ở mức phù hợp.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Các tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) ở mức khá và ổn định trong các kỳ vừa qua, cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì tương đối tốt.

2.4. Thực trạng việc áp dụng quy định pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương.

2.4.1. Kết quả đạt được trong việc áp dụng quy định pháp luật tại Công ty TNHH Vạn Hương.

2.4.1.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty.

Công ty TNHH Vạn Hương được thành lập và cấp giấy phép đăng ký kinh doanh từ năm 2007 với vốn góp của 2 thành viên là bà Hoàng Thị Hương và bà Đinh Thị Hương. Vốn đầu tư ban đầu của công ty là 2.000.000.000 VNĐ, ngành nghề kinh doanh đăng ký đầu tiên của công ty là kinh doanh dịch vụ ăn uống và lưu trú. Đối với vốn điều lệ lúc bấy giờ là toàn bộ tài sản của chủ sở hữu, sau nhiều lần góp vốn mở rộng quy mô và mạng lưới bán hàng, cho đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ đăng ký là 6.000.000.000 VNĐ.

Căn cứ theo sổ đăng ký thành viên, bà Hoàng Thị Hương giữ chức vụ Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp với chức danh giám đốc, bà Đinh Thị Hương là thành viên góp vốn có chức danh Phó giám đốc. Như vậy công ty thành lập đã đảm bảo các chức danh người đại diện theo pháp luật, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc và phó giám đốc công ty, quy định cụ thể trong Luật doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên như sau:

“Điều 48. Sổ đăng ký thành viên

1. Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký thành viên có thể là văn bản giấy, tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu phần vốn góp của các thành viên công ty.”

“Điều 54. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

3. Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là

người đại diện theo pháp luật của công ty.”

2.4.1.2. Tăng vốn điều lệ phục vụ hoạt động công ty.

Với sự thay đổi của xã hội, pháp luật và thị trường, chủ sở hữu doanh nghiệp lúc này muốn tăng vốn điều lệ của công ty, mở rộng quy mô hoạt động. Đối với việc muốn tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Hai thành viên tại lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 8 năm 2020, Luật Doanh Nghiệp 2020 quy định tại điều 68 Tăng giảm vốn điều lệ như sau:

“1. Công ty có thể tăng vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- a) Tăng vốn góp của thành viên;*
- b) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.*

2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 52 của Luật này. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trường hợp này, số vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.”

Xét theo điều kiện và khả năng của công ty, chủ sở hữu quyết định thay đổi vốn điều lệ của công ty bằng hình thức tăng vốn góp của các thành viên trong công ty. Như vậy, lúc này công ty đã có thêm phần vốn điều lệ hoạt động, mà vẫn giữ được quyền lợi của thành viên góp vốn vào vốn điều lệ, đồng thời tăng uy tín với các đối tác cùng khả năng chịu trách nhiệm đối với vật chất và tài sản doanh nghiệp. Vốn điều lệ lúc này đã tăng lên 6.000.000.000 VNĐ bao gồm tất cả tài sản góp vốn của các thành viên. Như vậy, Công ty TNHH Vạn Hương đã áp dụng luật Doanh Nghiệp có hiệu lực tương ứng với các mốc thời gian thay đổi mô hình doanh nghiệp nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển và mở rộng công ty. Nhờ kinh doanh trên mô hình Công ty TNHH hai thành viên,

Công ty TNHH Vạn Hương đang thu hút được sự quan tâm từ các đơn vị hợp tác kinh doanh và tăng uy tín trong khả năng chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản.

2.4.1.3. Thành lập bổ sung thêm địa điểm kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, với mong muốn mở rộng được nguồn khách hàng cũng như khu vực bán hàng, công ty đã thành lập thêm các địa điểm kinh ngoài trụ sở chính của doanh nghiệp. Hiện tại, công ty đã mở thêm 03 địa điểm kinh doanh để mở rộng quy mô hoạt động, công ty đã tiến hành bổ sung địa điểm kinh doanh trong giấy phép kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, theo quy định tại Điều 44, Luật Doanh nghiệp 2020 có quy định: *Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể*. Tuy vậy, địa điểm kinh doanh không có con dấu, không có tư cách pháp nhân của công ty và sẽ không có chức năng đại diện theo uỷ quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ lợi ích đó.

2.4.2. Những khó khăn của Công ty TNHH Vạn Hương trong việc thực hiện quy định pháp luật về mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên.

2.4.2.1. Khó khăn trong việc phân tách nghĩa vụ chịu trách nhiệm pháp lý của các thành viên.

Như đã trình bày ở trên về danh sách các thành viên công ty cùng với giá trị vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng. Hiện nay, bà Hoàng Thị Hương và bà Đinh Thị Hương là 2 thành viên góp vốn chính và có số vốn góp trong doanh nghiệp tương đương nhau, đều là 3.000.000.000 VNĐ (*tương đương 50% vốn điều lệ*). Tuy vậy, Bà Hoàng Thị Hương hiện là người đại diện theo pháp luật của công ty, với chức danh là giám đốc. Bà Đinh Thị Hương dù đang có số vốn góp tương đương, nhưng trong điều hành chính và đại diện cho doanh nghiệp thì vẫn là bà Hoàng Thị Hương. Như vậy, đang cho thấy việc thiếu trách nhiệm so với số vốn góp, là đại diện cho quyền lợi của thành viên góp vốn, vì vậy khi xảy ra rủi ro trong kinh doanh, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp thì chưa có phương án xử lý công bằng trách nhiệm của từng thành viên trên số vốn góp của mình tại doanh nghiệp .

Về trách nhiệm pháp lý, thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên chỉ phải chịu trách nhiệm pháp lý bằng toàn bộ số vốn góp vào vốn điều lệ khi công ty xảy ra rủi ro. Áp dụng vào đây, nếu công ty xảy ra rủi ro thì người bị thiệt hại hơn sẽ là bà Đinh Thị Hương có số vốn góp lớn nhưng lại không đứng đại diện cho doanh nghiệp. Như vậy, sẽ xảy ra tình trạng không cân bằng trong việc chịu trách nhiệm pháp lý bằng tài sản vốn góp. Bà Hoàng Thị Hương dù vẫn phải chịu thiệt hại bằng với phần vốn góp của mình, nhưng bà Hương hoàn toàn được chủ động nhiều quyết định của doanh nghiệp.

Hiện tại, hàng năm công ty đều tiến hành tổ chức triệu tập hội đồng thành viên để quyết định các chiến lược phát triển và một số các thống nhất hoạt động trong doanh nghiệp. Cụ thể theo Điều 55 Luật doanh nghiệp 2020 quy định Hội đồng thành viên như sau:

“1. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức. Điều lệ công ty quy định kỳ họp Hội đồng thành viên, nhưng ít nhất mỗi năm phải họp một lần.

2. Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;

c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;

d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

e) Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l) Quyết định tổ chức lại công ty;

m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Mặt khác căn cứ theo điều 63, Luật doanh nghiệp 2020, có thể dễ dàng xảy ra tình trạng bất đồng trong thống nhất quyết định của các thành viên:

“Điều 63. Giám đốc, Tổng giám đốc

1. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty

có quy định khác;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;

i) Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, hợp đồng lao động.”

Bà Hương là Giám đốc công ty, là người điều hành doanh nghiệp, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của công ty, ký kết các hợp đồng nhân danh công ty thuộc thẩm quyền của mình và ban hành các quy chế cùng với tuyển dụng, bổ nhiệm, bãi nhiệm thuộc thẩm quyền chức năng của mình. Vì vậy, sẽ thiết thòi cho thành viên còn lại khi chưa có các quy định về quyền lợi cụ thể, mà thống nhất uỷ quyền theo nghị quyết hợp hội đồng thành viên hàng năm. Điều này có khả năng dẫn đến xung đột, bất đồng giữa các thành viên, vì vậy sự bất cập trong khả năng chịu trách nhiệm pháp lý của mỗi thành viên là không thể tránh khỏi.

2.4.2.2. Khó khăn trong việc kiểm soát và phân chia lợi nhuận đối với các thành viên góp vốn.

Mỗi thành viên góp vốn trong công ty đều phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của bất kỳ thành viên nào trong công ty, như vậy nếu có sai phạm xảy ra, những thành viên đều phải chịu sự ràng buộc mà không được thông qua những quyết định đó. Điều đó cho thấy được mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên nói chung

mang tính thiếu bền vững và ổn định, do chỉ cần một thành viên gặp rủi ro thì công ty khó duy trì tồn tại, các hoạt động dễ bị đình chỉ.

Trong những năm qua, doanh nghiệp hoạt động khá hiệu quả, đem lại nguồn lợi nhuận ổn định hàng năm, tuy vậy các thành viên trong công ty chỉ được chia lợi nhuận sau khi đã hoàn thành thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản liên quan, như vậy các thành viên tham gia vào hoạt động điều hành đều chỉ được tạm ứng chi trả lương trong tháng/quý chứ không được hưởng lợi tức từ hiệu quả hoạt động trong kỳ.

2.4.2.3. Khó khăn trong việc huy động vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dẫu rằng, pháp luật có quy định Công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể huy động vốn qua hình thức phát hành trái phiếu khi đáp ứng các điều kiện của luật định (căn cứ khoản 4 điều 46 luật Doanh Nghiệp 2020). Tuy nhiên, ngay cả khi công ty được phép huy động vốn bằng phương pháp phát hành trái phiếu thì cũng phải thỏa mãn các quy định không mấy dễ dàng của pháp luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn phát hành chứng khoán. Cho nên, tuy phương pháp huy động vốn này có linh động nhưng thực tiễn thực hiện lại không hề dễ dàng.

Mặt khác, do số lượng thành viên của công ty bị giới hạn, nên khả năng huy động vốn của công ty luôn gặp nhiều khó khăn trên thực tế. Cho nên phương thức huy động vốn chủ yếu của Công ty TNHH Vạn Hương là vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, ngoài ra có thể vay chủ sở hữu doanh nghiệp bằng những nguồn vốn dài hạn.

Pháp luật hiện hành đã mở ra nhiều phương hướng mới cho công ty TNHH hai thành viên trở lên có cơ hội phát triển, mở rộng thị trường cả về chiều rộng và chiều sâu. Tuy nhiên, các văn bản luật và văn bản dưới luật không có sự thay đổi đồng đều, dẫn đến tình trạng công ty có phương hướng phát triển nhưng thực hiện lại không dễ dàng. Điển hình như luật Doanh Nghiệp 2020 đã có quy định cụ thể về việc cho phép công ty TNHH hai thành viên trở lên phát hành trái phiếu để huy động vốn. Thế nhưng ngay cả khi công ty đáp ứng đủ điều kiện để phát hành trái phiếu thì khó khăn lúc này là những rào cản của pháp luật về chứng khoán. Cho nên, đối với Công ty TNHH Vạn

Hương, là doanh nghiệp nhỏ, chưa có đủ độ tin cậy và đơn vị thẩm định có uy tín đánh giá để tận dụng nguồn tài chính từ thị trường trái phiếu, dù đã nhiều lần tính đến việc huy động vốn bằng phương thức này, xong vẫn không đủ cơ sở pháp lý và kế hoạch định hướng rõ ràng.

Mặt khác, với quy mô vừa của Công ty TNHH Vạn Hương sẽ không tạo được uy tín lớn cho các nhà đầu tư. Với số vốn điều lệ là 6.000 triệu đồng của 2 thành viên góp vốn, có vai trò trụ cột trong công ty, cho nên Công ty TNHH Vạn Hương không có nhiều khả năng để phát hành trái phiếu và chi trả các khoản nợ, lãi cho chủ đầu tư sở hữu trái phiếu công ty. Do đó, việc phát hành trái phiếu đối với công ty là không thu hút được nhiều nhà đầu tư.

CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẠN HƯƠNG.

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật.

3.1.1. Các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

3.1.1.1. Hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của nước ta hiện nay.

Pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên là một bộ phận trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Mà hệ thống pháp luật thuộc yếu tố kiến trúc thượng tầng, được quyết định bởi cơ sở hạ tầng là nền kinh tế. Qua mỗi một giai đoạn, đất nước sẽ có những phương hướng và chính sách khác nhau nhằm thích nghi và theo kịp xu hướng thế giới. Cho nên, các chính sách phát triển kinh tế của đất nước luôn luôn được cập nhật, sửa đổi, cải thiện những điểm mới trong kinh doanh thông qua những văn bản dưới luật và các quyết định. Điều này giúp cho các doanh nghiệp có thể nắm bắt cơ hội và có nhiều điều kiện phát triển sâu hơn, rộng hơn.

Đó là đối với các doanh nghiệp nói chung. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên nói riêng, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật cần có sự tương thích với chính sách phát triển chung của đất nước. Đây là một trong những mô hình kinh doanh phổ biến tại thị trường Việt Nam hiện nay, việc đảm bảo quy định pháp luật về mô hình tương thích với chính sách phát triển chung càng có vai trò quan trọng bởi nó chiếm số đông các doanh nghiệp đang vận hành.

3.1.1.2. Hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên phải đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ, thống nhất và khả thi của pháp luật.

Yêu cầu về tính minh bạch đòi hỏi việc ban hành văn bản pháp luật điều chỉnh công ty TNHH hai thành viên trở lên phải được công khai rộng rãi, chính xác. Đồng thời phải tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia góp ý, xây dựng văn bản pháp luật.

Tính thống nhất, đồng bộ đòi hỏi các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành phải có nội dung phù hợp, không mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau. Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phải có sự liên kết phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành khi soạn thảo, sửa đổi các quy định của pháp luật. Đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, đòi hỏi các quy định của pháp luật cần có sự thống nhất, đồng bộ giữa quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Doanh Nghiệp, Luật phá sản doanh nghiệp, Luật thương mại... Sự chồng chéo thậm chí mâu thuẫn của các quy định của pháp luật khiến cho quá trình nhận thức, áp dụng pháp luật của các chủ thể có liên quan gặp nhiều khó khăn.

Tính khả thi của pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên cũng là một yêu cầu quan trọng. Tính khả thi thể hiện khả năng áp dụng dễ dàng trong thực tế các quy định của pháp luật. Để có được tính khả thi, pháp luật công ty TNHH hai thành viên trở lên cần có những quy định phù hợp dự liệu trước những tình huống có thể xảy ra để tạo cơ sở cho các bên giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng chưa được dự liệu trước về các vấn đề liên quan đến công ty TNHH hai thành viên trở lên.

3.1.1.3. Hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên phải đáp ứng được mong muốn, nhu cầu của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp chính là những cá nhân, tập thể hiểu rõ nhất thị trường Việt Nam đang ngày một thay đổi ra sao, và cần làm gì để thực sự thúc đẩy nền kinh tế nước nhà. Doanh nghiệp cũng chính là những chủ thể thường xuyên tiếp cận, thực hành với pháp luật, với các chế định về kinh tế. Cho nên, doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH hai thành viên nói riêng sẽ nắm bắt được pháp luật đang có những lỗ hổng gì, thiếu sót nội dung gì và không rõ ràng ở điểm nào. Vì vậy, lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp chính là lắng nghe lòng dân, tìm ra giải pháp khắc phục những hạn chế còn tồn đọng của pháp luật. Và đáp ứng mong muốn, đề nghị của doanh nghiệp là giải pháp

đúng đắn nhất đối với việc thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam, đưa đất nước phát triển toàn diện.

3.1.2. Một số bất cập, hạn chế trong quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Luật doanh nghiệp hiện nay được xây dựng và ban hành để hiện thực hoá các mục tiêu: “Tạo thuận lợi nhất cho hoạt động thành lập và đăng ký doanh nghiệp; cắt giảm chi phí và thời gian trong khởi sự kinh doanh; góp phần nâng cao chỉ số khởi sự kinh doanh lên ít nhất 25 bậc (theo xếp hạng của ngân hàng thế giới); nâng cao cơ chế bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông, thành viên của doanh nghiệp; thúc đẩy quản trị doanh nghiệp đạt chuân mực theo thông lệ tốt và phổ biến trong khu vực và quốc tế; nâng cao mức xếp hạng chỉ số bảo vệ nhà đầu tư lên ít nhất 20 bậc (theo xếp hạng của ngân hàng thế giới); nâng cao hiệu lực quản trị, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với doanh nghiệp mà nhà nước có phần vốn góp chi phối; tạo thuận lợi hơn, giảm chi phí trong tổ chức lại doanh nghiệp: sáp nhập, hợp nhất, chi, tách và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp”.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện cho thấy còn những quy định chưa phù hợp, chưa phát huy được hiệu quả trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông, thành viên của doanh nghiệp. Đặc biệt là trong quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Một số hạn chế trong quy định công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo luật doanh nghiệp hiện hành cụ thể như:

- *Thứ nhất, chưa có quy định cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp trong điều lệ công ty.*

Căn cứ khoản 7 điều 47 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: “Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp theo trình tự, thủ tục quy định tại điều lệ công ty”.

Giấy chứng nhận phần vốn góp là loại giấy tờ được cấp cho thành viên của công ty, là bằng chứng chứng minh việc thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ góp đủ phần vốn góp vào công ty, là cơ sở để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên công ty đối với hoạt động của công ty. Vì thế, trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoạt dưới mọi hình thức thì thành viên sẽ được công ty cấp lại giấy xác nhận vốn góp.

Tuy nhiên, việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại điều lệ công ty. Trong khi đó, điều 24 luật doanh nghiệp năm 2020 quy định về những nội dung chủ yếu của điều lệ công ty thì trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp không phải là nội dung bắt buộc phải có trong điều lệ công ty. Như vậy, nếu điều lệ công ty không quy định về trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp thì việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp sẽ không có cơ sở hướng dẫn thực hiện. Điều đó sẽ gây ra khoảng trống khi có quy định việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty nhưng không ràng buộc những quy định bắt buộc phải có, vì vậy vô tình làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên góp vốn.

➤ *Thứ hai, cập nhật thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên công ty.*

Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên theo yêu cầu của thành viên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty”. Trong một số trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 như: Trường hợp góp vốn thành lập công ty, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty ... Như vậy, cập nhật thông tin thành viên vào sổ đăng ký thành viên công ty là nội dung quan trọng, có ý nghĩa trong việc xác lập tư cách thành viên của người góp vốn, người nhận chuyển nhượng. Vì vậy, chỉ khi các thông tin theo quy định được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên thì người góp vốn, người nhận chuyển nhượng phần vốn góp mới chính thức trở thành thành viên công ty và có các quyền, nghĩa vụ của thành viên công ty.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: “Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên theo quy định tại Điều lệ công ty”. Ngoài ra, điều lệ công ty không có quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện việc cập nhật sự thành đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên, nên tạo ra lỗ hổng pháp lý, gây bất lợi cho quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên công ty vì trong công ty trách nhiệm hữu hạn không có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện việc cập nhật sự thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định.

➤ *Thứ ba, thực hiện quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.*

Điểm d khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này có các quyền sau đây: “Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật này và Điều lệ công ty”. Quy định này gây hạn chế quyền của các “thành viên thiểu số” - có tỷ lệ phần vốn góp thấp khi không có quyền được độc lập yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên dù biết rằng cuộc họp Hội đồng thành viên thực hiện theo trình tự, thủ tục không đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật. Quy định này ít nhiều cũng đã gây bất lợi cho việc thành viên công ty tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại.

➤ *Thứ tư, hạn chế trong quy định về thời điểm xác lập tư cách thành viên công ty.*

i. Trường hợp góp vốn thành lập công ty: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Người góp vốn trở thành thành viên của công ty kể từ

thời điểm đã thanh toán phần vốn góp và những thông tin về người góp vốn quy định tại các điểm b, c và đ khoản 2 Điều 48 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên”. Như vậy, nếu những thông tin: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn; số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp chưa được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên thì tổ chức, cá nhân đó chưa trở thành thành viên của công ty và cũng không có các quyền của thành viên công ty.

ii. Trường hợp nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và đ khoản 2 Điều 48 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên”. Quy định này là mâu thuẫn với quy định tại khoản 29 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Thành viên công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp danh”. Rõ ràng giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp của người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng đã hoàn thành, người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành chủ sở hữu phần vốn góp của người chuyển nhượng tại công ty và trở thành thành viên công ty theo giải thích, định nghĩa tại khoản 29 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không cần thêm bất kỳ điều kiện gì để xác lập tư cách thành viên. Do vậy, quy định về điều kiện những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên là không cần thiết, gây cản trở cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người nhận chuyển nhượng phần vốn góp.

3.1.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Từ những phân tích về thực trạng quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, tôi xin đưa ra một số giải pháp sau đây nhằm góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật:

- ✓ *Thứ nhất*, hoàn thiện quy định về việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp, về việc cập nhật thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên. Nhằm xác định rõ trình tự, thủ tục, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp, việc cập nhật thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên trong công ty. Luật Doanh nghiệp cần quy định theo hướng: (i) Quy định rõ tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về Điều lệ công ty cần quy định rõ: Nội dung cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp, cập nhật thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên là nội dung bắt buộc phải có trong Điều lệ công ty; hoặc (ii) Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định rõ về trình tự, thủ tục, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp, việc cập nhật thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên.
- ✓ *Thứ hai*, hoàn thiện quy định về việc thực hiện quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên. Nhằm bảo vệ quyền của “thành viên thiểu số”, đề xuất sửa đổi theo hướng bổ sung nội dung: “Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật này và Điều lệ công ty” trở thành một trong các quyền cơ bản của thành viên công ty được quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- ✓ *Thứ ba*, hoàn thiện quy định về thời điểm xác lập tư cách thành viên công ty. Nhằm tạo sự thống nhất với giải thích, định nghĩa về thành viên công ty: “Thành viên công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp danh” tại khoản 29 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và tạo điều kiện thuận lợi cho người nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên công ty. Đề xuất sửa đổi khoản 5 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020 theo hướng bỏ quy định về việc ghi nhận thông tin thành tin thành viên vào sổ đăng ký thành viên là điều kiện bắt buộc để xác lập tư cách thành viên. Khoản 5 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2020 nên được quy định lại như sau: “Người góp vốn trở thành thành viên của công ty kể từ thời điểm đã thanh toán phần vốn góp”.
- ✓ *Thứ tư*, cần có cơ chế thông thoáng hơn trong việc chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên trong công ty và giữa thành viên công ty với những thành viên bên ngoài công ty. Điều này sẽ làm cho các công ty TNHH hai thành viên trở lên trở nên linh hoạt hơn, phù hợp với một nền kinh tế hội nhập, năng động mà Việt Nam đang xây dựng.
- ✓ *Thứ năm*, cần đồng nhất các văn bản luật và văn bản dưới luật về mọi nội dung đặc biệt là về những quy định liên quan đến thành lập doanh nghiệp, chuyển nhượng vốn góp, phát hành trái phiếu khi chưa có quy định rõ ràng, cụ thể về cách thức, điều kiện phát hành trái phiếu riêng cho mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên mà chỉ quy định chung với mô hình công ty cổ phần, trong khi đây là hai mô hình khác biệt nhau về cách thức vận hành. Điều này tạo ra tâm lí mơ hồ, gây khó khăn và vướng mắc trong quá trình phát hành trái phiếu của công ty TNHH hai thành viên trở lên. Vì thế, sau khi ban hành văn bản luật có hiệu lực mới, nhà nước nên bổ sung và đồng bộ hóa các văn bản luật khác với văn bản luật doanh nghiệp đang hiện hành.

- ✓ *Thứ sáu*, tuy cần bổ sung những giải pháp cải thiện pháp luật về mô hình công ty TNHH hai thành viên, song nếu không kiểm soát và quản lý tốt hoạt động của các doanh nghiệp sẽ gây ra hậu quả khó lường, ảnh hưởng tới những quan hệ xã hội khác được pháp luật bảo vệ. Điều cần làm đó là tạo điều kiện cho các công ty TNHH hai thành viên phát triển, đồng thời phải đẩy mạnh, thắt chặt quản lý, kiểm soát, ngăn chặn các hậu quả, hệ lụy ngay từ khi chưa bắt đầu. Trong một số trường hợp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp dẫn tới các doanh nghiệp lạm dụng, không tôn trọng pháp luật, thực hiện những việc làm đi quá giới hạn pháp luật cho phép. Trong khi đó, chính quyền buông lỏng quản lý, giám sát, không có biện pháp quyết liệt, không có những quyết định mang tính răn đe để ngăn chặn, xử lý vi phạm của doanh nghiệp. Vì thế, cần thực hiện đó là cân bằng đồng đều giữa tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp đi kèm với thắt chặt, giám sát và xử lý vi phạm triệt để đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật.

3.2. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Hương.

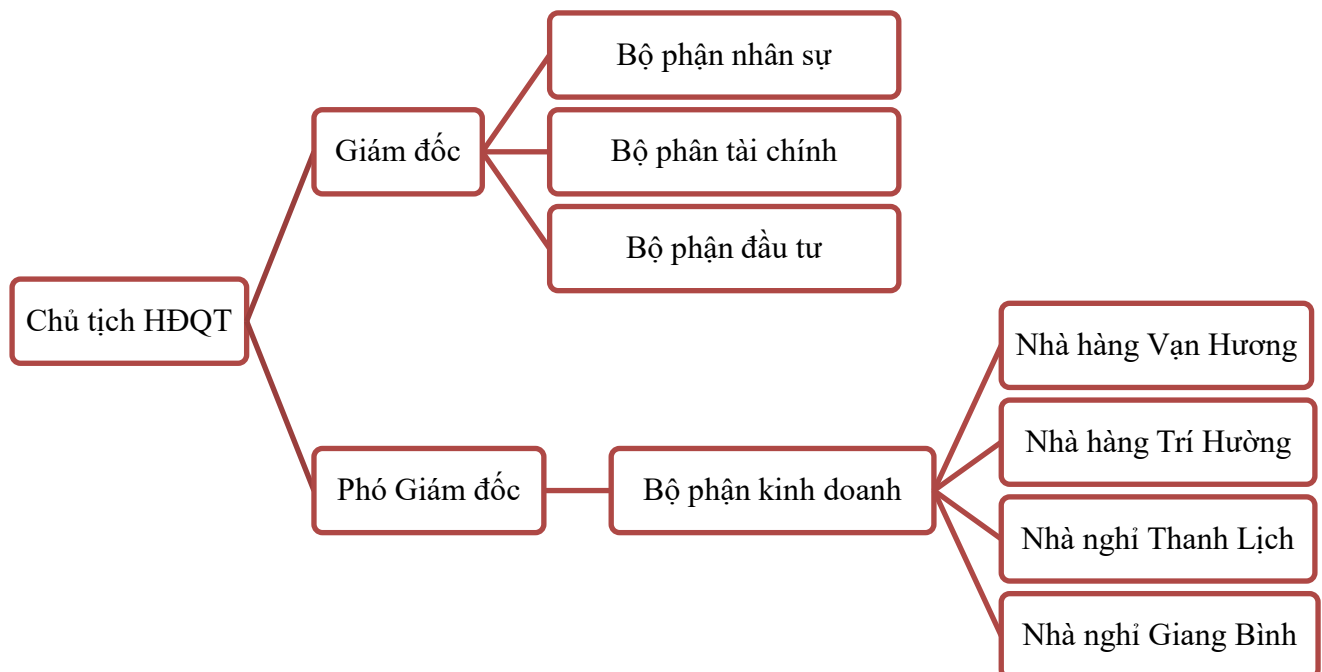
Từ những phân tích về thực trạng quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thực tiễn việc áp dụng quy định pháp luật tại công ty TNHH Vạn Hương, em xin đưa ra một số giải pháp sau đây nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty mà vẫn đáp ứng các điều kiện của pháp luật:

3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.

Hiện nay trong công ty, đã có ban giám đốc gồm giám đốc và phó giám đốc, có các cơ sở kinh doanh hoạt động dưới quyền điều hành của ban giám đốc, nhưng chưa hình thành các phòng chức năng rõ ràng. Vì thế mục tiêu đặt ra là đổi mới và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhằm điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo những yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra. Việc xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phải đảm bảo một số mục tiêu sau như đảm bảo phát huy vai trò của bộ máy quản lý công ty trong điều hành sản xuất kinh doanh và tuân theo các quy định của pháp luật. Đồng thời nâng cao tính năng

động, gọn nhẹ, đem lại hiệu quả cao hơn, tăng năng suất lao động trong khi giảm chi phí sản xuất.

Công ty hoạt động ở quy mô gia đình, nhìn chung bộ máy quản lý của công ty khá tinh giản và gọn nhẹ, tuy nhiên riêng bộ phận tài chính và nhân sự đôi khi làm chông lên chức năng của nhau, bộ phận kinh doanh do trực tiếp tham gia hoạt động chính nên phải gồng gánh quá nhiều công việc, trong khi bộ phận phụ trách đầu tư dù mới thành lập nhưng chưa tách biệt được chi phí vốn sản xuất và chi phí vốn đầu tư, ảnh hưởng trực tiếp đến phân bổ tài chính chưa rõ ràng và minh bạch. Do vậy, nên phân công công việc phụ trách rõ ràng để sắp xếp lao động đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo liên kết giữa ban lãnh đạo và các phong ban tổ chức và hình thành quy trình vận hành thống nhất hoạt động. Điều đó sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng lên cơ cấu gọn nhẹ, phản ứng linh hoạt, nhanh chóng mà không bị gánh nặng chi phí tiền lương khi không phải tuyển dụng thêm nhân sự mà vẫn phân bổ nguồn lực vào mảng kinh doanh cốt lõi. Sơ đồ của bộ máy sau điều chỉnh như có mô hình như sau:



3.2.2. Nâng cao vai trò của Điều lệ và Quy chế trong công ty.

Công ty cần chú trọng việc quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý điều hành công ty trong điều lệ và quy chế quản trị nội bộ công ty. Vì thế, tránh cho ban quản lý công ty cố ý xâm phạm quyền, lợi ích của công ty, thành viên công ty dẫn đến việc không sử dụng hiệu quả các công cụ pháp lý.

Vì vậy, một điều lệ công ty chặt chẽ, rõ ràng sẽ thúc đẩy tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động điều hành công ty, bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu và thành viên công ty. Pháp luật đã cho phép tạo điều kiện để cho các công ty được quyền tự quyết trong việc cụ thể hoá các quy định của luật, thậm chí có thể đưa ra những quy định mới mà luật không điều chỉnh, nhưng không trái với nguyên tắc cơ bản của Luật Doanh nghiệp. Như vậy, Điều lệ doanh nghiệp không nên chỉ được xây dựng cho có, chiếu lệ, chung chung, không rõ ràng, đơn thuần mà phải được nâng cao hơn nữa vai trò của Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Đặc biệt, để trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản lý, quyền lợi của các thành viên công ty, được thực hiện nghiêm chỉnh, công ty cần các biện pháp bảo vệ chống xung đột về lợi ích, giao dịch nội gián, giao dịch tư lợi, chế độ công bố thông tin kịp thời trong nội dung của Điều lệ. Từ đó tạo ra khuôn khổ pháp lý và ràng buộc đối với giám đốc, người đại diện theo pháp luật và các chức danh điều hành khác.

3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, áp dụng pháp luật.

Nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật của người lãnh đạo cũng toàn thể người lao động trong công ty, cần tăng cường công tác phổ biến pháp luật về doanh nghiệp, trong đó có quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty, đặc biệt là những quy định mới về các nội dung được sửa đổi, cập nhật đến các đối tượng có liên quan, từ công ty, chủ sở hữu và người quản lý công ty.

Vì vậy ngoài phương pháp, cách thức để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho người lao động, cần tạo các điều kiện để mọi người trong công ty dễ dàng tiếp cận các văn bản pháp luật, nhất là luật doanh nghiệp, luật kinh tế. Từ đó, giúp họ có

nhận thức đúng đắn về các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của mình. Điều đó khiến bản thân doanh nghiệp phải luôn kịp thời cập nhật các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước quy định để thực hiện đúng quy định pháp luật và điều hành công ty được tốt, đảm bảo được quyền lợi ích chính đáng cho tất cả các bên, doanh nghiệp, người quản lý công ty, chủ sở hữu, thành viên công ty.

3.2.4. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ cho các bộ phận.

Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ là bộ phận quan trọng gắn liền với công tác kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của công ty. Là công việc có ý nghĩa thiết thực trong công tác đổi mới cơ chế quản lý trong sản xuất kinh doanh. Mục đích công tác xây dựng bộ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ là gắn liền với công tác kiện toàn tổ chức, tinh giản bộ máy ngắn gọn, có hiệu lực và hoạt động hiệu quả. Vì thế cần được tiến hành dựa trên cơ sở khoa học, cụ thể như:

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp.
- Khảo sát lĩnh vực, các phần việc và soát xét các nội dung công việc của từng bộ phận cấu thành, đồng thời kiểm tra thực trạng về đội ngũ cán bộ.
- Phân tích, đánh giá, tổng hợp và sắp xếp hợp lý các công việc để xác định quy trình hoạt động đầy đủ cho các bộ phận.
- Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ trên cơ sở nội dung công việc theo các phòng ban phụ trách, kết hợp nghiên cứu nội dung đào tạo và yêu cầu thực tế đối với từng công việc.
- Tham khảo và lấy ý kiến từ chuyên gia, các bên chuyên tư vấn xây dựng mô hình hoạt động để hoàn thiện hệ thống, chuyên môn nghiệp vụ của công ty.

3.2.5. Giải pháp cung ứng vốn bền vững cho doanh nghiệp.

Để nâng cao năng lực sản xuất và đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, công ty cần có thêm cơ hội huy động vốn từ nguồn lực trong và ngoài doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn truyền thống đến từ tiền vay của các ngân hàng thương mại. Sang đầu năm 2022, sau khi tình hình khắc phục hậu quả của dịch bệnh covid đã được đảm bảo, tín

dụng ngân hàng có xu hướng tăng nóng đã phản ánh nhu cầu vốn cấp thiết của nền kinh tế nhằm khôi phục và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, với định hướng trong thời gian tới, công ty có khá nhiều đầu công việc phải làm, cụ thể như áp dụng số hoá, đầu tư cho các phương thức bán hàng mới, các hoạt động đổi mới sáng tạo phù hợp với thị hiếu, thói quen mới của ngành tiêu dùng, dịch vụ. Thêm vào đó, nguyên liệu đầu vào có sự xáo trộn, nên đã đặt ra bài toán vốn vô cùng cấp thiết cho doanh nghiệp.

Dù vậy, lãi suất tiền vay trong năm nay đang có xu hướng nhích tăng trong thời gian qua, khiến các kế hoạch kinh doanh sử dụng đòn bẩy kinh tế của công ty bị ảnh hưởng ít nhiều, trong giai đoạn tới, công ty có kế hoạch mở rộng thêm một số mảng kinh doanh như apartment hay homestay để đón đầu xu thế mới nên trong bối cảnh nguồn vốn huy động vẫn phải phụ thuộc nhiều vào tín dụng ngân hàng sẽ là một bài toán không dễ khi công ty không chỉ cần có kế hoạch kinh doanh hợp lý mà phải đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Hiện nay, trong bối cảnh các doanh nghiệp hầu hết vẫn phải dựa vào nguồn vốn tín dụng, một số doanh nghiệp đại chúng đã tập trung khai thác các nguồn vốn từ thị trường chứng khoán là phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp, một số ít sẽ huy động từ các quỹ đầu tư hay tổ chức tài chính nước ngoài.

Như vậy, dù có khá nhiều phương án huy động đa dạng hoá nguồn vốn trên thị trường cho doanh nghiệp, tuy nhiên xét trên phương diện uy tín và quy mô thuộc phân khúc vừa và nhỏ, công ty TNHH Vạn Hương từ khi hoạt động đến nay gần như chỉ sử dụng vốn tự có là vốn góp của các thành viên và vốn vay tín dụng ngân hàng. Ngoài ra, chính phủ dù ban hành nhiều gói tín dụng khuyến khích, hỗ trợ cho phân khúc doanh nghiệp nhỏ vay vốn, tuy nhiên để đáp ứng các tiêu chí thuộc đối tượng triển khai hay các cơ chế, khẩu vị tín dụng của các ngân hàng cũng là những nút thắt chưa thể giải quyết trong thời gian ngắn. Dựa vào tình hình thực tế, công ty TNHH Vạn Hương có thể xem xét các giải pháp tăng vốn hoạt động cụ thể như sau:

- ✓ *Huy động vốn bằng tăng vốn góp chủ sở hữu:* Đây là phương pháp nhanh chóng, hiệu quả, không phát sinh chi phí vốn, việc này giúp công ty hoàn toàn chủ động sử dụng vốn, không bị phụ thuộc vào bên ngoài.
- ✓ *Huy động vốn từ nguồn lợi nhuận không chia:* Lợi nhuận không chia là phần lợi nhuận sau thuế được doanh nghiệp sử dụng tích lũy bổ sung vốn, tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ tới, thay vì được dùng để chi trả cho các thành viên góp vốn. Khi công ty đã để lại một phần lợi nhuận trong năm phục vụ tái đầu tư cũng đồng nghĩa với việc không dùng số lợi nhuận đó để chia lãi cổ phần và thành viên góp vốn không có cổ tức. Tuy nhiên họ sẽ có quyền sở hữu số vốn đã góp tăng lên trong công ty. Hình thức này sẽ đem lại nhiều ưu điểm như bổ sung cho vốn góp ban đầu, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh mà không làm thay đổi số lượng và cơ cấu thành viên hiện tại. Đảm bảo an toàn, tăng mức độ độc lập, tự chủ về tài chính.
- ✓ *Huy động vốn từ việc chuyển đổi sang công ty cổ phần:* Mô hình công ty cổ phần có nhiều ưu thế hơn loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, cụ thể như chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn nên mức độ chịu rủi ro các cổ đông thấp. Khả năng hoạt động rất rộng, tiềm năng huy động vốn rất cao và linh hoạt, là loại hình duy nhất có thể phát hành cổ phiếu. Đối với công ty cổ phần, cổ phiếu là phương tiện để hình thành vốn chủ sở hữu ban đầu và cũng là phương tiện để huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu là loại chứng khoán vốn xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Tuy nhiên, không phải công ty cổ phần nào cũng được phát hành chứng khoán do những đặc điểm về tính sinh lời và tính thanh khoản. Vì thế, luật pháp Việt Nam đã đưa ra những quy định về điều kiện để công ty được phát hành chứng khoán rất chặt chẽ. Song hành với những lợi ích về tính nhanh chóng, nguồn lực huy động lớn hình thức này cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro như: không tận dụng được đòn bẩy tài chính, cổ tức trích từ lợi nhuận sau thuế, không tạo ra khoản tiết kiệm thuế, có thể làm

thay đổi số lượng và cơ cấu cổ đông thường hiện tại, phải đáp ứng được các điều kiện phát hành theo quy định của Nhà nước, phát sinh nhiều chi phí (in ấn, quảng cáo, bảo lãnh...). Ngoài ra, nó còn khiến cổ đông của công ty phải đối mặt với hiệu ứng loãng giá cổ phiếu và dễ mất quyền kiểm soát công ty của mình.

- ✓ *Huy động vốn qua tín dụng ngân hàng:* Tín dụng ngân hàng là hình thức huy động vốn thông qua một thoả ước tín dụng dưới dạng hợp đồng giữa bên vay (chủ thể huy động vốn) và ngân hàng cho vay (chủ thể cung cấp vốn), theo đó, người vay có nghĩa vụ phải thanh toán khoản lãi tiền vay và hoàn trả tiền gốc theo một lịch trình đã thoả thuận. Sử dụng đòn bẩy tài chính từ ngân hàng có ưu điểm tạo ra khoản tiết kiệm thuế mà không làm thay đổi số lượng và cơ cấu các chủ sở hữu hiện tại. Tuy nhiên lại gia tăng áp lực lên các hoạt động kinh doanh của công ty, và doanh nghiệp phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ của ngân hàng về vốn vay.
- ✓ *Huy động vốn qua kênh thuê tài chính:* Trên góc độ tài chính, thuê tài chính là phương thức tín dụng trung và dài hạn, theo đó bên cho thuê cam kết mua tài sản theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Bên thuê sử dụng tài sản và thanh toán tiền thuê suốt thời hạn đã được thoả thuận và không thể huỷ ngang hợp đồng trước hạn. Nếu công ty sử dụng thuê tài chính, sẽ giúp tăng thêm vốn trung và dài hạn để đầu tư cơ sở vật chất mà không đòi hỏi phải thế chấp tài sản. Tuy nhiên, chi phí sử dụng vốn ở mức cao hơn nguồn vốn tín dụng ngân hàng, điều đó dẫn đến gia tăng hệ số nợ và rủi ro tài chính của công ty.
- ✓ *Huy động vốn bằng việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp:* Trái phiếu doanh nghiệp là chứng chỉ vay vốn do doanh nghiệp phát hành, thể hiện nghĩa vụ và sự cam kết của doanh nghiệp trong việc thanh toán số lợi tức và tiền vay vào những thời hạn đã xác định cho người nắm giữ trái phiếu. Đặc điểm của trái phiếu là chứng khoán nợ, có kỳ hạn xác định, thường có lợi tức cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phát hành. Theo đó, trái chủ (chủ sở hữu trái phiếu) là chủ nợ của doanh nghiệp, nhưng không có quyền tham gia quản lý

và điều hành doanh nghiệp. Với hình thức huy động này mang tính chủ động về thời gian, quy mô, cách thức phát hành, đồng thời mức độ kiểm soát tiền vay của người cho vay thấp hơn vay tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên yêu cầu đáp ứng các điều kiện phát hành tương đối cao, hơn hết doanh nghiệp phải xây dựng được uy tín cao trên thị trường, có kế hoạch sản xuất rõ ràng, tình hình tài chính trong sạch và tài sản bảo đảm được các công ty chứng khoán chấp nhận thế chấp để phát hành bảo lãnh.

3.2.6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- ✓ *Hoạch định chiến lược kinh doanh:* Để có thể phát triển ổn định, bền vững công ty cần có chiến lược phát triển trung dài hạn, và triển khai bằng các kế hoạch ngắn hạn. Xây dựng một chiến lược kinh doanh hợp lý, giúp công ty chủ động xử lý được các vấn đề xảy ra, tận dụng được các cơ hội và lường trước những khó khăn và thích ứng nhanh với thị trường đầy cạnh tranh.
- ✓ *Nâng cao năng lực quản lý của công ty:* Để xác định mô hình tổ chức quản lý phù hợp, công ty cần phải căn cứ vào chiến lược kinh doanh, đặc điểm ngành nghề và đặc điểm của đội ngũ nhân sự trong doanh nghiệp.
- ✓ *Nâng cao trình độ đội ngũ lao động:* Công ty cần tiến hành sắp xếp, bố trí hợp lý nhân sự dựa trên trình độ, kỹ năng, động lực, tạo sự gắn bó quyền lợi, trách nhiệm người lao động với doanh nghiệp. Có chiến lược đào tạo nâng cao trình độ thích ứng với sự phát triển. Mạnh dạn cắt bỏ lao động dư thừa, tuyển dụng nhân sự có chất lượng phù hợp với lĩnh vực, nhiệm vụ được giao.
- ✓ *Nâng cao năng lực lãnh đạo của chủ doanh nghiệp:* Chủ công ty cần nâng cao những kỹ năng cần thiết và cập nhật những kiến thức hiện đại để đủ sức bước vào nền kinh tế tri thức.
- ✓ *Xây dựng chiến lược cạnh tranh, phát triển thương hiệu:* Công ty cần có các giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu một cách bền vững, hoạch định chiến

lược quảng bá thương hiệu, coi thương hiệu là công cụ bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp.

- ✓ *Đổi mới công nghệ, đầu tư và nghiên cứu phát triển*: Để nâng cao năng lực cạnh tranh, một trong những yếu tố quan trọng là đổi mới công nghệ. Chính sách đổi mới công nghệ của công ty cần gắn chặt với chính sách đào tạo nguồn nhân lực phù hợp từ xã hội.
- ✓ *Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sản xuất kinh doanh*: Tích cực thực hiện chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng sức cạnh tranh để hình thành sản phẩm nòng cốt, vững mạnh.
- ✓ *Cải cách toàn diện về tổ chức và quản lý*: Khi cải cách, công ty không chỉ cải cách một vài khâu mà phải cải cách đồng loại, đồng bộ nhằm tránh những trục trặc do cải cách không hết, dẫn đến chồng chéo lên nhau gây khó khăn không đáng có trong công tác quản lý.
- ✓ *Xây dựng văn hoá doanh nghiệp*: Văn hoá doanh nghiệp không phải là bất biến mà nó cần phải được thay đổi theo yêu cầu của bộ máy tổ chức quản lý, phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Tại Việt Nam hiện nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là một loại hình doanh nghiệp khá phổ biến, do có nhiều ưu điểm về cơ cấu tổ chức và vốn linh hoạt. Cũng có thể nói đây là mô hình phù hợp cho các đơn vị kinh doanh có quy mô vừa và nhỏ. Đặc điểm pháp lý của loại hình doanh nghiệp này được Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật quy định rất rõ ràng. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có nhiều ưu điểm nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại không ít nhược điểm so với công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân.

Thông qua những nội dung trên, luận án đã làm sáng tỏ những vấn đề được quy định trong mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên. Quản trị về mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên theo luật Doanh Nghiệp 2020 bao gồm những vấn đề như đặc trưng của công ty có điểm gì khác biệt so với các loại hình công ty khác, điều kiện và tiêu chuẩn để trở thành thành viên và nắm giữ một số chức vụ trong công ty, điều kiện về vốn góp mà công ty cần đáp ứng và thủ tục về thành lập, về chuyển nhượng vốn góp hay phát hành trái phiếu mà chủ sở hữu công ty cần rõ trước khi bắt đầu quá trình. Đồng thời, bài báo cáo đã chỉ ra những lỗ hổng, những bất cập đã phát sinh trong quá trình áp dụng luật Doanh Nghiệp 2020 trong thực tiễn, chỉ ra những nguyên nhân lí giải cho bất cập đó bao gồm nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Qua đó, càng thể hiện rõ nét tất cả vấn đề xoay quanh mô hình công ty TNHH hai thành viên.

Việc điều tra thực trạng áp dụng pháp luật về mô hình Công ty TNHH Vạn Hương cho thấy một số bất cập ở luật Doanh Nghiệp 2020 thực sự tồn tại ngay cả khi công ty điều tra thực trạng chỉ là một đơn vị kinh doanh nhỏ. Tuy nhiên, những bất cập, hạn chế trong áp dụng pháp luật về mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên không hoàn toàn nằm ở phía pháp luật, mà cũng có hạn chế xuất phát từ phía chủ thể áp dụng. Bởi không thể can thiệp sâu hơn vào nội bộ công ty, pháp luật quy định một số vấn đề

trong cơ cấu tổ chức là do công ty quyết định. Cho nên, bất cập đến từ nguyên nhân chủ quan là không ít và không thể không có.

Luận án cũng đã đề cập một số định hướng có thể áp dụng để cải thiện pháp luật đối với mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên. Trong đó, hai định hướng quan trọng nhất đó là hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của nước ta hiện nay và hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH hai thành viên trở lên phải đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ, thống nhất và khả thi của pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Doanh Nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
2. Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/06/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.
3. Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 Hướng dẫn Luật doanh nghiệp 2020.
4. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.
5. PGS.TS Bùi Ngọc Sơn (*chủ biên*), Giáo trình Pháp luật doanh nghiệp, Trường đại học Ngoại Thương; TS. Nguyễn Hợp Toàn, TS. Dương Nguyệt Nga (*chủ biên*), Giáo trình Pháp luật Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
6. Lê Văn Khải (1997), “*Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại hình doanh nghiệp này*”, Luận án Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
7. Ngô Thị Dung (2018), “*Pháp luật về Công ty TNHH hai thành viên trở lên – Thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh*”, Luận văn Thạc sĩ, Viện đại học mở Hà Nội.
8. Tạ Kiến Tường (2017), “*Trách nhiệm của người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*”, Luận văn Thạc sĩ, Học viên khoa học xã hội Việt Nam.
9. TS. Nguyễn Vinh Hưng (2016), bài báo “*Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong môi trường kinh doanh hiện nay*”, Nghiên cứu lập pháp..

10. ThS Trần Linh Huân (2021) Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, bài báo “*Những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2020 về Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*”, Tạp chí điện tử Luật Sư Việt Nam.
11. Vũ Thị Khánh Chi, Vũ Thị Mai, Trần Thị Nhung, Trương Thị Quyết (2018), “*Pháp Luật Kinh tế - Tiểu Luận Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*”, Khoa Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Ngoại Thương.
12. Nguyễn Văn Tuấn (2022) – Thành uỷ Bến Tre, bài báo “*Pháp Luật về công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp năm 2020*”, Tạp chí Công Thương, Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ số 4, tháng 3 năm 2022.
13. Phạm Thị Lệ Xuân (2022) – Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 Quảng Nam, bài báo “*Hoàn thiện quy định của Luật Doanh nghiệp về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*”, tạp chí Toà Án Nhân Dân Điện Tử.
14. Hoàng Anh Tuấn (2011), Bài báo “*Bàn về việc chuyển đổi hình thức các công ty Trách nhiệm hữu hạn*”, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Bộ Tư pháp số tháng 3 (228) năm 2011, Thành phố Hà Nội.
15. Phạm Thị Vân anh (2012), “*Các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sỹ Kinh tế, Học viên Tài chính Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Anh (2017), “*Trình tự, thủ tục thành lập Doanh nghiệp trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
17. Lê Văn Khải (1997), “*Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại doanh nghiệp này*”, Luận án Thạc sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội.
18. Đỗ Minh Anh (2021), “*Quyền sở hữu tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên – Thực tiễn thi hành*”, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội.

19. Phan Thị Minh Thanh (2011), “*Những quy định của Pháp luật về Địa vị pháp lý của Công ty TNHH Hai thành viên trở lên - Thực trạng và Giải pháp*”, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Vinh.
20. Tống Thị Thu Thảo (2016), “*Tổ chức quản lý Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp 2014*”, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.